

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẤN ĐƠN

Giấy chứng nhận ĐKKD số 3801068943 (mã số cũ: 4403000032) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 11/10/2004, thay đổi lần thứ 11 ngày 20/01/2015

NIÊM YẾT BỔ SUNG CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

(Quyết định thay đổi đăng ký niêm yết số 138/Đ-Q. SGHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 4 năm 2015)

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại địa điểm sau từ ngày: / /2015

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẤN ĐƠN - SJD

Trụ sở chính: Thị trấn Thanh Bình, Huyện Bù Đốp, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại: 0651.3 563 359

Fax: 0651.3 563 133

Website: www.candon.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS

Trụ sở chính: 22 Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3772 6868

Fax: (84-4) 3772 6131

Website: <http://www.kls.vn>

Chi nhánh TP.HCM: Lầu 2, Tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Q.3, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 3823 3923

Fax: (84-8) 3827 7380

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Đồng Văn Tâm

Số điện thoại: 0651. 3 563 375

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 3801068943 (mã số cũ: 4403000032) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 11/10/2004, thay đổi lần thứ 11 ngày 20/01/2015)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

- Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn
- Loại cổ phiếu:** Phổ thông
- Mã cổ phiếu:** SJD
- Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng niêm yết bổ sung: 5.000.000 (Năm triệu) cổ phiếu.**
- Tổng giá trị niêm yết bổ sung (theo mệnh giá): 50.000.000.000 (Năm mươi tỷ) đồng**

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS



Trụ sở chính: 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3772 6868 **Fax:** (84.4) 3772 6131

Website: www.kls.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC



Trụ sở chính: Lô 78 - 80 đường 30 tháng 4, Hải Châu, Đà Nẵng

Điện thoại: 84.5113655886 **Fax:** 84. 5113655887

Website: www.aac.com.vn

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	4
1.	Rủi ro về kinh tế.....	4
2.	Rủi ro về luật pháp	5
3.	Rủi ro đặc thù.....	5
4.	Rủi ro khác	6
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	7
1.	Tổ chức niêm yết.....	7
	CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN (SJD)	7
2.	Tổ chức tư vấn.....	7
III.	CÁC KHÁI NIỆM	8
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	9
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	9
2.	Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty	10
3.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty; Cơ cấu cổ đông.....	15
4.	Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức niêm yết, những Công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết	15
5.	Hoạt động kinh doanh	17
6.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.....	27
7.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	29
8.	Chính sách đối với người lao động	34
9.	Chính sách cổ tức	35
10.	Tình hình tài chính.....	35
11.	Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	41
12.	Tài sản	54
13.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	55
14.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	57
15.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết: không có	57
16.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết: không có	57
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	57
1.	Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.....	57
2.	Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần	57
3.	Tổng số cổ phiếu niêm yết bổ sung: 5.000.000 cổ phiếu.....	57
4.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: không có	57
5.	Phương pháp tính giá	57
6.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài	58
7.	Các loại thuế có liên quan.....	58
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	60
VII.	PHỤ LỤC.....	60

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh điện (*thủy điện*) nên chịu tác động chủ yếu từ sự thay đổi của yếu tố thời tiết. Ngoài ra, là một công ty cổ phần hoạt động trong nền kinh tế nên hoạt động kinh doanh của Công ty còn chịu tác động trực tiếp từ thay đổi của nền kinh tế như tăng giảm tốc độ tăng trưởng GDP, biến động của lạm phát hay thay đổi trong chính sách tài khóa, tiền tệ và các rủi ro khác trong ngành.

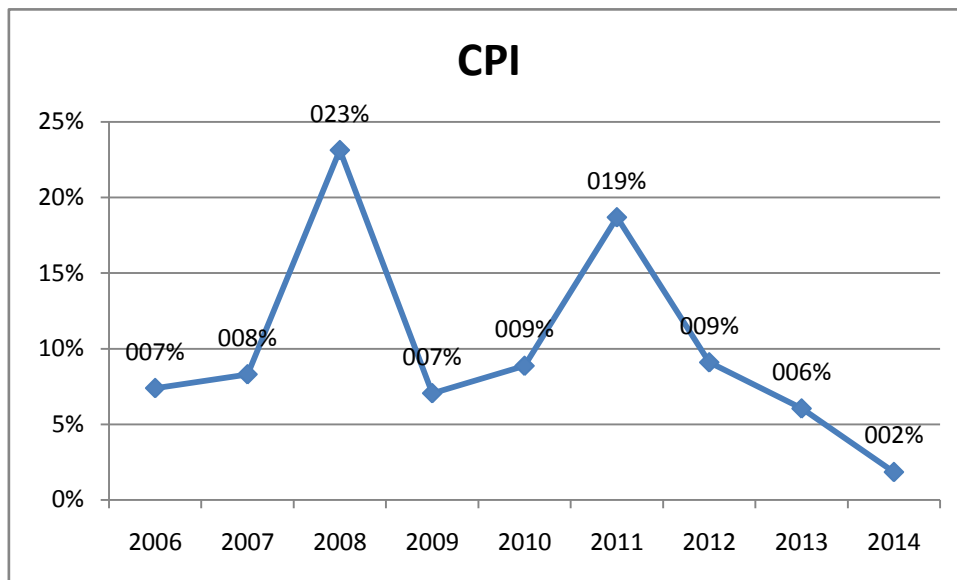
1. Rủi ro về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Nền kinh tế Việt Nam đang trải qua giai đoạn hết sức khó khăn. Rất nhiều bộ phận của nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng kinh tế kéo dài từ năm 2008 đến nay. Tuy nhiên, về cơ bản, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ngành thủy điện ít chịu tác động từ chu kỳ của nền kinh tế mà chủ yếu phụ thuộc vào các điều kiện thời tiết, độ ổn định của các nguồn nước. Lưu lượng, độ ổn định của nguồn nước thiên nhiên cùng với điều kiện thời tiết mới là những yếu tố chính quyết định tới sản lượng, doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Do đó, rủi ro về chu kỳ kinh tế đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn là không đáng kể.

Rủi ro về lạm phát

Thành công lớn trong năm 2014 là đã kiềm chế được lạm phát theo đúng mục tiêu đề ra. Chỉ số lạm phát năm 2014 thấp nhất trong vòng 15 năm qua ở mức 1,84%. Có 2 nhóm giảm giá mạnh là nhà ở vật liệu xây dựng, giảm 0,88% và nhóm giao thông giảm sâu tới 3,01%. Có thể thấy giữ mức lạm phát thấp hơn mục tiêu đề ra (7%) là một thành tựu của chính sách vĩ mô trong năm vừa qua nhằm ổn định kinh tế, hướng đến tăng trưởng bền vững. Đây cũng là cơ sở để ngân hàng nhà nước có thể tiếp tục giảm lãi suất trong thời gian tới nhằm thúc đẩy nền kinh tế, vượt qua khủng hoảng.



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Tuy nhiên, cũng như những phân tích nêu trên về đặc thù hoạt động của Công ty, có thể thấy Công ty ít

chịu tác động bởi biến động của lạm phát đến hoạt động sản xuất kinh doanh điện thương phẩm của Công ty. Do vậy, rủi ro về lạm phát đối với Công ty Cổ phần Thủy điện Cần đơn là không đáng kể.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Hiện tại, Công ty chỉ có một khoản vay lớn là Hợp đồng vay có giá trị hơn 104 tỷ với Ngân hàng ADB (*vay thông qua Tổng Công ty Sông Đà*) (*lãi suất LIBOR + chênh lệch tại từng thời điểm do ADB thông báo*). Như vậy, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng nhất định từ việc biến động lãi suất trên thị trường.

Rủi ro về tỷ giá

Thực tế hiện nay, thị trường hối đoái Việt Nam vẫn thiếu các công cụ phòng chống rủi ro tỷ giá, vì vậy, các Doanh nghiệp rất dễ bị tổn thất khi tỷ giá biến động bất thường. Giá bán điện thương phẩm của Công ty được tính theo đơn vị đô la Mỹ sau đó được quy đổi ra Việt Nam đồng. Do đó, biến động về tỷ giá giữa đồng Việt Nam và USD sẽ làm tác động rất lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Mọi hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật hiện hành như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế thu nhập cá nhân... Tuy nhiên, hệ thống luật pháp của Việt Nam đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện, do đó các luật và văn bản dưới luật này sẽ có thể được chỉnh sửa cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế. Những sự thay đổi này sẽ có thể gây ảnh hưởng nhất định đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty Cổ phần Thủy Điện Cần Đơn luôn tiếp cận sớm và tham khảo các chính sách, văn bản mới nhất nhằm triển khai thực hiện theo đúng các quy định pháp lý, hạn chế rủi ro về pháp lý có thể xảy ra trong hoạt động kinh doanh.

3. Rủi ro đặc thù

Rủi ro về điều kiện thời tiết là rủi ro chủ yếu và có ảnh hưởng lớn nhất tới các công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy điện. Đối với các nhà máy thủy điện, công suất vận hành của nhà máy phụ thuộc vào lượng nước mưa để tích nước cho hồ chứa, tức là phụ thuộc hoàn toàn vào điều kiện khí hậu thời tiết. Trường hợp hạn hán kéo dài làm cho trữ lượng nước trong hồ chứa thấp sẽ ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Ngoài ra thiên tai cũng gây ra thiệt hại, sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa.

Trong vài năm gần đây, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, điều kiện thời tiết ở tại các khu vực mà Công ty có nhà máy thủy điện diễn biến theo xu hướng không thuận lợi cho hoạt động của các nhà máy này. Các tỉnh Đông Nam Bộ như Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Dương, Bình Phước... thường xuyên đối diện nguy cơ xảy ra hạn hán trầm trọng và kéo dài. Mùa mưa thường kết thúc sớm; mùa khô ít có những cơn mưa trái mùa. Nhiệt độ trung bình các năm đã tăng tương đối cao. Nhiệt độ trong mùa khô có thể lên đến 38oC-40oC. Những diễn biến bất lợi về thời tiết nói trên sẽ gây nhiều khó khăn cho hoạt

động sản xuất kinh doanh của nhà máy thủy điện, đòi hỏi nhà máy phải nắm vững được tình hình dự báo khí hậu và thủy văn để có những phương án dự phòng vận hành lòng hồ, điều độ máy móc, nhân lực để vận hành nhà máy đạt công suất cao nhất có thể và đảm bảo suất tiêu hao nước/1KWh là thấp nhất. Ngoài ra, Công ty cũng cần phải thực hiện các biện pháp phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra đối với các công trình đập, đường dây truyền tải điện của nhà máy và thực thi các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái.

Ngoài rủi ro về điều kiện thời tiết, thủy văn, Công ty còn phải kiểm soát rủi ro về mặt quản lý, điều hành khi Công ty thực hiện sáp nhập với các công ty thủy điện thuộc những địa bàn cách xa nhau. Hiện nay Công ty cổ phần Thủy điện Cần Đơn đang vận hành 03 nhà máy thủy điện: Cần Đơn, Ry Ninh II và Nà Lơi tại các tỉnh Bình Phước, Gia Lai và Điện Biên; Công ty cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên đang thi công công trình nhà máy thủy điện Hà Tây cũng tại tỉnh Gia Lai. Việc các nhà máy thủy điện phân bố tại cả ba miền đất nước, hầu hết lại ở vùng sâu vùng xa gây khó khăn cho công tác quản lý điều hành; tuy vậy, việc có nhiều nhà máy tại các khu vực khác nhau cũng giúp Công ty giảm rủi ro khi một khu vực gặp hạn hán hoặc điều kiện tự nhiên bất lợi ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh.

4. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hoả hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... nếu có xảy ra có thể gây ảnh hưởng đến quá trình xây dựng dự án như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN (SJD)

Ông: Nguyễn Văn Sơn	-	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông: Mai Ngọc Hoàn	-	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông: Trần Văn Sáu	-	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Ông: Đông Văn Tâm	-	Chức vụ: Kế toán trưởng
Bà: Nguyễn Thị Tuyết Mai	-	Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG (KLS)

Ông: Bùi Quang Bách	-	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
----------------------------	---	----------------------------

Theo Giấy ủy quyền số 0101-1/2014/UQ-KLS của Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Chứng khoán Kim Long.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

BCTC	:	Báo cáo tài chính
BKS	:	Ban kiểm soát
BTGD	:	Ban Tổng Giám đốc
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
DT BH&CCDV	:	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
DTT	:	Doanh thu thuần
DHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
Giấy CNĐKKD	:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
HDQT	:	Hội đồng quản trị
HNX	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
HSX	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh
KLS	:	Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Kim Long
LNST	:	Lợi nhuận sau thuế
SJD	:	Mã cổ phiếu/tên viết tắt của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn
Thủy điện Cần Đơn	:	Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn
TTLKCKVN/VSD	:	Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
Thuế TNDN	:	Thuế thu nhập doanh nghiệp
TDT	:	Tổng doanh thu
UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
HSX	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh
VĐL	:	Vốn điều lệ
Việt Nam	:	Nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam
VNĐ	:	Đồng Việt Nam

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung

Tên công ty	:	CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN
Tên Tiếng Anh	:	CAN DON HYDRO POWER JOINT STOCK COMPANY
Trụ sở chính	:	Thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước
Điện thoại	:	0651.3563359 Fax: 0651.3563133
Website	:	www.candon.com.vn
Giấy CNĐKKD	:	3801068943 (mã số cũ: 4403000032) đăng ký lần đầu ngày 11/10/2004, thay đổi lần thứ 11 ngày 20/01/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp
Vốn điều lệ	:	459.991.500.000 (<i>Bốn trăm năm mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi một triệu, năm trăm nghìn</i>) đồng
Tài khoản số	:	102010000293613
Tại	:	Chi nhánh Ngân hàng Công thương tỉnh Bình Phước

Lĩnh vực hoạt động chính:

- Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
- Đào tạo cán bộ công nhân viên vận hành nhà máy thủy điện;
- Thí nghiệm và hiệu chỉnh thiết bị điện.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn được thành lập theo quyết định số 1331/QĐ-BXD ngày 17/08/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty BOT Cần Đơn thuộc Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty cổ phần.

Trong giai đoạn từ khi thành lập Công ty BOT đến khi nhà máy đi vào vận hành Công ty chỉ tập trung vào nhiệm vụ chính là quản lý, tổ chức thi công công trình thủy điện Cần Đơn, theo ủy quyền của Tổng Công ty Sông Đà. Kể từ ngày 11/10/2004, Công ty chính thức đổi thành Công ty Cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Ngày 24/09/2004, Công ty đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập và ngày 11/10/2004 Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4403000032 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2005, Công ty đã xin ý kiến và được ĐHĐCĐ thông qua việc đưa cổ phiếu của Công ty niêm yết tại trung tâm Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (*nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh*) vào ngày 25/12/2006.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Công ty thực hiện sáp nhập Công ty Cổ phần Thủy điện Ryinh II trong năm 2013 và ngày 18/12/2013, Công ty thay đổi lần thứ bảy Giấy CNĐKKD với mã số Giấy CNĐKKD 0100105870-010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp, sáp nhập Công ty cổ phần Thủy điện Ryinh II vào Công ty cổ phần Thủy điện Cần Đơn, tăng vốn điều lệ Công ty lên hơn 409 tỷ đồng. Ngày 18/03/2014, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đăng ký thay đổi lần thứ 9 với mã số doanh nghiệp là 3801068943.

Công ty thực hiện sáp nhập Công ty cổ phần Thủy điện Nà Lơi trong năm 2014 và ngày 20/01/2015, Công ty thay đổi lần thứ 11 Giấy CNĐKKD với mã số Giấy CNĐKKD 3801068943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp, sáp nhập Công ty cổ phần Thủy điện Nà Lơi vào Công ty cổ phần Thủy điện Cần Đơn, tăng vốn điều lệ Công ty lên hơn 459 tỷ đồng.

1.3. Quá trình tăng vốn

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã trải qua 5 lần tăng vốn, cụ thể như sau:

STT	THỜI ĐIỂM TĂNG VỐN	GIÁ TRỊ VỐN TĂNG THÊM (đồng)	HÌNH THỨC TĂNG VỐN	ĐƠN VỊ CẤP PHÉP
1	2007	60.000.000.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 18%, Thương cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 12%	ĐHĐCĐ UBCKNN
2	2008	38.996.290.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15%	ĐHĐCĐ UBCKNN
3	2010	59.795.210.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20%	ĐHĐCĐ UBCKNN
4	2013	51.200.000.000	Phát hành cổ phiếu để hoán đổi với cổ phiếu RHC theo tỷ lệ SJD:RHC = 1:1	ĐHĐCĐ UBCK NN
5	2014	50.000.000.000	Phát hành cổ phiếu để hoán đổi với cổ phiếu NLC theo tỷ lệ SJD:NLC = 1:1	ĐHĐCĐ UBCK NN

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông uỷ quyền. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ:

- Thông qua sửa đổi, bổ sung điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty; thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của BKS, của HĐQT và của các kiểm toán viên;
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS và phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám

đốc điều hành;

- Bổ sung và sửa đổi điều lệ;
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại điều lệ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT của Công ty gồm 05 thành viên với nhiệm kỳ 5 năm. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý công ty;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty trình ĐHĐCĐ;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ không quá 5 năm thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất, kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ của Ban:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại điều lệ.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết

định của HĐQT, nghị quyết của ĐHĐCĐ, điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;

- Ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự theo quy định của pháp luật;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh; chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

CÁC PHÒNG BAN, PHÂN XƯỞNG CHỨC NĂNG CỦA CÔNG TY

Phòng Tổ chức - Hành chính

Phòng Tổ chức - Hành chính có chức năng tham mưu cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty trong công tác Tổ chức - cán bộ; lao động, tiền lương và thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động; công tác hành chính quản trị, bảo vệ, công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật.

Phòng Kinh tế - Kế hoạch

Phòng Kinh tế - Kế hoạch có chức năng tham mưu cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty trong công tác kế hoạch, kinh tế.

Phòng Tài chính - Kế toán

Phòng Tài chính - Kế toán có chức năng tham mưu cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty trong lĩnh vực quản lý kinh tế tài chính, công tác kế toán và hạch toán kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế tài chính của công ty.

Phòng Kỹ thuật - Công nghệ

Phòng Kỹ thuật - Công nghệ có chức năng tham mưu cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty trong công tác quản lý kỹ thuật, điều hành sản xuất; công tác sửa chữa lớn thiết bị công nghệ của nhà máy và xử lý các sự cố đặc biệt; công tác kỹ thuật an toàn bảo hộ lao động, phòng cháy chữa cháy, phòng chống lụt bão.

Phân xưởng vận hành

Phân xưởng Vận hành có chức năng giúp Tổng Giám đốc quản lý vận hành an toàn, kinh tế các máy móc, thiết bị công nghệ của Nhà máy thủy điện Cần Đơn phù hợp với Quy trình phối hợp vận hành nhà máy trong Hệ thống điện quốc gia nhằm khai thác có hiệu quả nhất các điều kiện sản xuất để phát huy công suất, sản lượng điện theo kế hoạch sản xuất hàng ngày, tuần, tháng, quý, năm của Công ty.

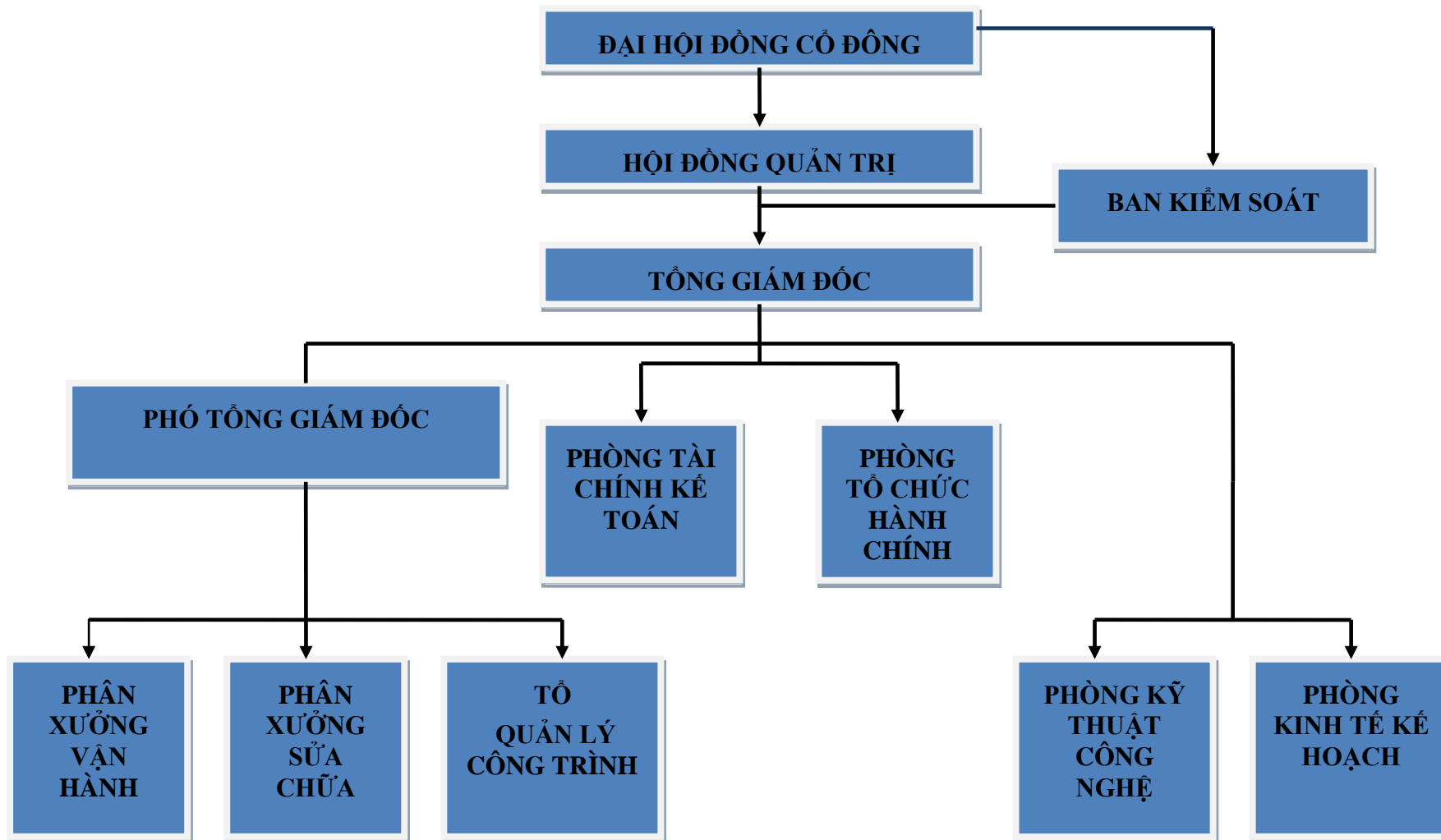
Phân xưởng sửa chữa

Phân xưởng sửa chữa có chức năng giúp Tổng Giám đốc trong lĩnh vực sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị toàn Công ty nhằm khôi phục tính năng kỹ thuật, phát huy cao nhất hiệu quả trong SXKD của Công ty.

Tổ quản lý công trình

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Phân xưởng quản lý công trình có chức năng giúp Tổng Giám đốc Công ty trong lĩnh vực quản lý, theo dõi, kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng toàn bộ hệ thống các hạng mục công trình thủy công Nhà máy, các hạng mục công trình kiến trúc xây dựng, hệ thống đường giao thông nội bộ, các khuôn viên.



Nguồn: SJD

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty; Cơ cấu cổ đông

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần tại ngày 11/02/2015

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ ĐKSH	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN NẪM GIỮ	TỶ LỆ NẪM GIỮ
1	Tổng Công ty Sông Đà	0100105870	Tòa nhà Sông Đà, Phạm Hùng, Hà Nội	23.440.704	50,96%
2	VIETNAM INFRASTRUCTURE HOLDING LTD	CS6896	Phòng 1703, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Hồ Chí Minh	5.194.250	11,29%
3	ERIKOISSIJOITUSRAHASTO ELITE (MUTUAL FUND ELITE (NON-UCITS))	CA5604	SNELLMANINKATU 6 P.O BOX 159 FI-00101-HELSINKI	3.200.080	6,96%
4	HALLEY SICAV - HALLEY ASIAN PROSPERITY	CA6051	7A, rue Robert Stumper L - 2557 Luxembourg	3.232.420	7,03%

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 11/02/2015 của SJD

3.2. Cơ cấu cổ đông tại ngày 11/02/2015

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
I	Trong nước	2.318	30.106.705	65,45%
1	Tổ chức	48	23.567.433	51,23%
2	Cá nhân	2.270	6.539.272	14,22%
II	Nước ngoài	195	15.892.445	34,55%
1	Tổ chức	22	14.828.108	32,24%
2	Cá nhân	173	1.064.337	2,31%
TỔNG CỘNG		2.513	45.999.150	100,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 11/02/2015 của SJD

4. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức niêm yết, những Công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết

Công ty mẹ - Tổng Công ty Sông Đà

- Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà - Đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Mễ Trì, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 38541164 Fax: (84-4) 38541161
- Số ĐKKD: 0100105870
- Tỷ lệ nắm giữ của công ty mẹ: **50,96%** vốn điều lệ, tương đương **23.440.704** cổ phiếu

Công ty con - Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên

- Công ty cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên được thành lập theo Hợp đồng thành lập số 01 CP/SD/2007, tháng 7 năm 2007.
- Giấy chứng nhận ĐKKD số: 5900421948, cấp ngày: 22/11/2012, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai.
- Vốn điều lệ là đăng ký: 75,0 tỷ đồng (*tương đương 7.500.000 cổ phần*).
- Cổ đông sáng lập và tỷ lệ góp vốn:
 - ✓ Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II: 81,25% VĐL
 - ✓ Công ty Cổ phần Sông Đà 4: 13,93% VĐL
 - ✓ Các cổ đông khác: 4,82% VĐL
- Số vốn điều lệ thực góp tính đến ngày 31/12/2014: 52.540.289.463 đồng
 - Trong đó:
 - ✓ Công ty Cổ phần Thủy điện Càn Đơn (*kế thừa từ phần góp vốn của Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II*): 38.476.709.463 đồng;
 - ✓ Công ty Cổ phần Sông Đà 4: 10.445.280.000 đồng;
 - ✓ Các cổ đông khác: 3.618.300.000 đồng.
- Dự án do Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên thực hiện:

Dự án Thủy điện Hà Tây được nghiên cứu xây dựng trên suối Đăk Pơ Tang là một nhánh suối lớn thượng nguồn của sông Đăk Bla và là thượng nguồn của sông Sê San. Công trình xây dựng tại khu vực lâm trường Hà Tây, xã Hà Tây, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai, cách thị xã Kon Tum khoảng 20 km về phía Bắc và cách hồ thủy điện Yaly 28 km, cách thành phố Pleiku khoảng 50 km về phía Bắc.

 - ✓ Tên dự án: Công trình Thủy điện Hà Tây
 - ✓ Địa điểm xây dựng: Xã Hà Tây, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai
 - ✓ Công suất thiết kế: 9,0 MW
 - ✓ Điện lượng trung bình hàng năm (E_0): 37,95 triệu Kwh
 - ✓ Dự kiến hoàn thành: 2015



Hình ảnh công trường Dự án Thủy điện Hà Tây

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Trong năm 2013 và 2014, Công ty lần lượt tiến hành nhận sáp nhập Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II và Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lơi. Hiện tại, Công ty đang vận hành ba nhà máy thủy điện: nhà máy thủy điện Cần Đơn, nhà máy thủy điện Ry Ninh II và nhà máy thủy điện Nà Lơi.

Nhà máy thủy điện Cần Đơn được khởi công xây dựng vào ngày 05/05/2000 và chính thức đi vào vận hành từ cuối năm 2003. Với công suất thiết kế 77,6 MW, số giờ sử dụng công suất lắp máy là 4.200 h/năm, sản lượng điện thương phẩm thiết kế bình quân hàng năm ở mức 292 triệu kWh.

- Địa điểm nhà máy: TT Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước
- Ngày khởi công: 05/05/2000
- Ngày hoàn thành: 31/12/2003
- Ngày phát điện và hòa lưới điện quốc gia: Tổ máy số 1 ngày 20/11/2003; Tổ máy số 2 ngày 01/01/2004
- Hình thức đầu tư: BOT (*Hợp đồng BOT ký với Bộ Công nghiệp ngày 07/10/1999, thời hạn 25 năm kể từ ngày đi vào hoạt động*).
- Tổng vốn đầu tư (*đã kiểm toán*): ~ 1.117 tỷ đồng
- Công suất thiết kế: 77,6 MW
- Công nghệ: Tuabin, máy phát (*Nga*), thiết bị điều khiển (*Metso – Hoa Kỳ*).
- Số tổ máy: 02
- Số giờ sử dụng công suất lắp máy: 4.200 h
- Sản lượng điện trung bình theo thiết kế: 292 triệu kWh
- Hợp đồng mua bán điện ký giữa Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà (*nay là Tổng Công ty Sông Đà*) và EVN (1999): Giá bán điện cố định 0,045 USD/kWh cố định trong 25 năm (*đối với sản lượng điện đến mức bình*

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

quân 292 triệu kWh), giá bán điện 0,0225 USD/kWh (đối với sản lượng điện trên mức 292 triệu kWh).



Toàn cảnh khu làm việc của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn



Hình ảnh Nhà máy thủy điện Cần Đơn đang xả tràn

Nhà máy thủy điện Ry Ninh II

- **Địa điểm nhà máy:** Xã Yaly, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai
- **Khởi công:** 11/1999
- **Hoàn thành:** 04/2002
- **Ngày phát điện và hòa lưới điện quốc gia:** Ngày 26/04/2002, nhà máy chính thức đưa vào vận hành và hòa lưới điện 03 tổ máy với tổng công suất 8,1 MW.
- **Hình thức đầu tư:** BOO (*công ty tự bỏ vốn xây dựng và vận hành khai thác*).
- **Tổng vốn đầu tư (đã kiểm toán):** ~139 tỷ đồng
- **Công suất thiết kế:** 8,1MW
- **Số tổ máy:** 03
- **Sản lượng điện trung bình:** 53,4 triệu KWh/năm
- **Hợp đồng mua bán điện ký giữa Tổng công ty Xây dựng Sông Đà và Công ty Điện lực 3 – EVN ngày 29/12/1999:** Giá bán điện cố định 0,041 USD/kwh cố định trong 20 năm. Từ năm thứ 21 trở đi hai bên sẽ bàn bạc xem xét để thay đổi hoặc giữ nguyên giá tùy thuộc vào Luật, chế độ, chính sách của nhà nước liên quan đến Hợp đồng đã ký.



Hình ảnh Nhà máy Thủy điện Ry Ninh II

Nhà máy thủy điện Nà Lơi

- **Địa điểm nhà máy:** Xã Thanh Minh – TP. Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

- Ngày khởi công: 05/12/2000
- Ngày hoàn thành: 07/05/2003
- Ngày phát điện và hòa lưới điện quốc gia: Ngày 08/03/2003, tổ máy số 1 Nhà máy Thủy điện Nà Loi đã chính thức vận hành, hòa nguồn điện vào lưới điện quốc gia. Tháng 5/2003, Nhà máy chính thức được khánh thành và đưa vào vận hành thương mại với 03 tổ máy, đạt công suất 9,3 MW và là công trình thủy điện có công suất lớn nhất Điện Biên.
- Hình thức đầu tư: BOO (công ty tự bỏ vốn xây dựng và vận hành khai thác).
- Tổng vốn đầu tư (đã kiểm toán): ~ 179 tỷ đồng
- Công suất thiết kế: 9,3 MW
- Số tổ máy: 03
- Sản lượng điện trung bình: 46,29 triệu KWh/năm
- Hợp đồng mua bán điện ký giữa NLC và Công ty Điện lực 1 – EVN ngày 10/09/2004: Giá bán điện cố định 0,042 USD/kwh cố định trong 25 năm. Nếu tại thời điểm thanh toán, tỷ giá công bố giữa USD và VNĐ biến đổi qua mức $\pm 5\%$ so với tỷ giá áp dụng cho lần thanh toán gần nhất thì tiền thanh toán được quy đổi theo tỷ giá mới để điều chỉnh lại đơn giá mua bán điện.

CƠ CẤU DOANH THU THEO GIÁ TRỊ DỊCH VỤ

Đơn vị: triệu đồng

STT	SẢN PHẨM	NĂM 2013		NĂM 2014	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Doanh thu bán hàng	308.737	99,69%	389.068	99,54%
2	Doanh thu tiêu dùng nội bộ	958	0,31%	950	0,24%
3	Doanh thu cung cấp điện cho nhà thầu	-	-	682	0,17%
4	Doanh thu khác	-	-	153	0,04%
Doanh thu thuần		309.695	100,00%	390.854	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013, 2014 của SJD

Kể từ khi đi vào vận hành đến nay, Doanh thu bán hàng của SJD luôn duy trì xu hướng tăng trưởng. Sản lượng điện thương phẩm thực tế bình quân đạt 337 triệu kWh, cao hơn đáng kể so với sản lượng bình quân theo thiết kế 292 triệu kWh. Ngoài ra, SJD được hưởng lợi khá nhiều từ giá bán điện cho EVN được cố định ở mức 0,045 USD/kWh cho toàn bộ sản lượng điện thương phẩm (trước năm 2007), từ năm 2007 đến nay, giá bán điện đối với mức sản lượng trên 292 triệu kWh chỉ bằng 50%, tức 0,0225 USD/kWh.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ hoạt động bán điện (*chiếm trên 99,5%*). Ngoài ra, một phần nhỏ điện sản xuất ra được dùng cho mục đích tiêu dùng nội bộ.

Doanh thu năm 2014 tăng so với năm 2013 do điều kiện thời tiết năm 2014 thuận lợi làm cho sản lượng điện năm 2014 cao hơn năm 2013.

CƠ CẤU LỢI NHUẬN GỘP THEO GIÁ TRỊ DỊCH VỤ

Đơn vị: triệu đồng

STT	SẢN PHẨM	NĂM 2013		NĂM 2014	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Lợi nhuận bán hàng	193.221	100,00%	227.657	99,89%
2	Lợi nhuận tiêu dùng nội bộ	-	0,00%	0	0,00%
3	Lợi nhuận cung cấp điện cho nhà thầu	-	-	190	0,08%
4	Lợi nhuận khác	-	-	64	0,03%
Lợi nhuận gộp		193.221	100,00%	227.911	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013, 2014 của SJD

Do Doanh thu thuần năm 2014 tăng so với Doanh thu thuần năm 2013 kéo theo Lợi nhuận gộp năm 2014 cũng tăng so với Lợi nhuận gộp năm 2012.

Tương tự như với doanh thu, tỷ trọng Lợi nhuận bán điện của Công ty chiếm chủ yếu trong cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty (*gần 100%*).

Năm 2013, Công ty đã tiến hành sáp nhập với Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II; năm 2014, Công ty tiếp tục sáp nhập với Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lơi. Việc sáp nhập với những công ty thủy điện tại những địa bàn cách xa nhau mang tới những thuận lợi, khó khăn và kết quả như sau cho hoạt động của Công ty:

Thuận lợi:

Việc sáp nhập đã góp phần tập trung hoạt động kinh doanh về một đầu mối, trên cơ sở đó tiến tới chuyên môn hóa các bộ phận hoạt động kinh doanh chính. Mô hình tổ chức hoạt động kinh doanh sau sáp nhập theo hướng tập trung hóa và chuyên môn hóa đã mang lại một số lợi ích cho Công ty: mô hình quản lý được tập trung với một hội đồng quản trị và một ban điều hành chung thống nhất cho cả hai doanh nghiệp, đưa ra các chiến lược phát triển dài hạn một cách đồng bộ; tiềm năng của ngành điện vẫn còn rất lớn, kinh nghiệm đầu tư và quản lý, khai thác các dự án thủy điện hiện tại sẽ tạo tiền đề cho doanh nghiệp nắm bắt cơ hội đầu tư vào các dự án điện khác trong tương lai.

Việc có nhiều nhà máy tại các khu vực khác nhau cũng giúp Công ty giảm rủi ro khi một khu vực gặp hạn hán hoặc điều kiện tự nhiên bất lợi ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh.

Khó khăn:

Việc điều hành doanh nghiệp sau sáp nhập gặp không ít khó khăn khi các nhà máy thủy điện thành viên ở các địa bàn cách xa nhau, đồng thời quy mô, số lượng lao động, tài sản đã tăng hơn so với trước thời điểm sáp nhập. Ngoài ra việc sáp nhập cũng làm Công ty mất thời gian để chuẩn hóa các quy trình sản xuất, hạch toán kế toán, v.v... cần thống nhất giữa các đơn vị.

Kết quả đạt được

Sáp nhập RHC và NLC vào SJD đã tạo ra một doanh nghiệp lớn hơn cả về quy mô hoạt động, thị trường và tiềm lực tài chính. Cụ thể là Công ty sau sáp nhập có quy mô vốn điều lệ xấp xỉ 460 tỷ đồng, tổng công suất thiết kế của 3 nhà máy thủy điện là 95MW, tổng sản lượng điện thương phẩm bình quân là 439,9 MW. Với quy mô và tiềm lực tài chính gia tăng sẽ góp phần nâng cao vị thế và uy tín của SJD trên thị trường, trong thương lượng và cạnh tranh, trong việc tìm kiếm và triển khai các dự án đầu tư mới.

5.2. Nguyên vật liệu

Nguyên liệu đầu vào của các nhà máy thủy điện là nguồn nước thiên nhiên. Vì vậy độ ổn định của nguồn nước thiên nhiên cùng với điều kiện thời tiết là những yếu tố chính quyết định tới sản lượng, doanh thu và lợi nhuận của các nhà máy thủy điện.

- Đối với Nhà máy thủy điện Cần Đơn

Nhà máy thủy điện Cần Đơn nằm trên địa bàn tỉnh Bình Phước, thuộc vùng Đông Nam Bộ. Công suất hoạt động và sản lượng của nhà máy phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn nước tự nhiên từ sông Bé (*nhà máy nằm ở bậc thang thứ hai của sông Bé*) và nhánh sông Đăk Huýt, nằm trên địa bàn huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước. Sông Bé là một nhánh quan trọng của hệ thống sông Đồng Nai, dài tổng cộng 300 km, bắt nguồn từ cao nguyên Đắc Nông, chảy xuống tới miền Đông Nam Bộ, lượn về Bù Đốp rồi phân đôi miền đất đỏ Bình Long - Phước Long và xuôi về Hiếu Liêm dưới chân thác Trị An cũ. Để tận dụng triệt để tiềm năng thủy điện của sông Bé, các bậc thang sông Bé đã được quy hoạch khá trọn vẹn, gồm 4 bậc thang là Thác Mơ, Cần Đơn, Srok Phu Miêng và Phước Hòa. Hiện đã có 2 nhà máy thủy điện là Cần Đơn và Thác Mơ (150 MW) được xây dựng và chính thức hòa vào lưới điện quốc gia.

Lượng nước trung bình về từ các nguồn cung cấp là tương đối ổn định qua các năm. Do đặc thù của nhà máy thủy điện là sản lượng thực hiện phụ thuộc vào thời tiết nên sản lượng điện hàng năm nhà máy sản xuất được lại tập trung chủ yếu vào mùa mưa (từ tháng 7 tới tháng 10 hàng năm) khi nguồn nước về đủ để vận hành liên tục cả 02 tổ máy. Trong năm 2005 vừa qua, vào mùa mưa nhà máy vận hành trung bình 14-15 giờ/ngày. Còn trong các tháng mùa khô, nhà máy phụ thuộc hoàn toàn vào lưu lượng nước về từ nhà máy thủy điện Thác Mơ, lưu lượng nước về không đủ để vận hành nhà máy theo thiết kế. Yếu tố đặc thù của nguồn nguyên liệu đầu vào như vậy đòi hỏi nhà máy phải nắm vững được tình hình dự báo khí hậu và thủy văn để có những phương án dự phòng vận hành lòng hồ, điều độ máy móc, nhân lực nhằm vận hành nhà máy đạt công suất cao nhất có thể.

- **Đối với Nhà máy thủy điện Ry Ninh II**

Công suất hoạt động và sản lượng của nhà máy phụ thuộc vào nguồn nước tự nhiên từ sông Sê San (*nhà máy nằm ở bậc thang thủy điện phía hạ lưu của sông Sê San*). Sông Sê San là một nhánh chính của sông Mê Kông, bắt nguồn từ tỉnh Kon Tum và hợp nhất với sông Mê Kông tại địa phận Campuchia. Đoạn sông Sê San nằm trên lãnh thổ Việt Nam có độ dài 237 km. Sông Sê San là một trong 3 con sông có tiềm năng thủy điện lớn nhất Việt Nam, bao gồm: sông Đà (*chiếm 44,7% tổng tiềm năng toàn quốc*), sông Đồng Nai (*16,4% tổng tiềm năng toàn quốc*) và sông Sê San (*11,3% tổng tiềm năng toàn quốc*). Đây cũng là hệ thống sông có chỉ tiêu kinh tế năng lượng hợp lý nhất, khoảng 780 - 1.000 USD/1KW công suất lắp đặt.

Trên thực tế, một nguồn cung cấp đầu vào dồi dào như vậy sẽ đảm bảo lượng nước cho nhà máy hoạt động với công suất cao. Tuy nhiên, sản lượng điện do nhà máy sản xuất được lại tập trung chủ yếu vào mùa mưa (*từ tháng 5 đến tháng 11*) khi lượng nước về nhiều và ổn định. Còn trong các tháng mùa khô, lưu lượng nước về không đủ để vận hành hết công suất thiết kế của 03 tổ máy.

- **Đối với Nhà máy thủy điện Nà Loi**

Nhà máy thủy điện Nà Loi là công trình nằm trên sông Nậm Rốm thuộc thành phố Điện Biên Phủ. Sông Nậm Rốm chảy từ phía bắc lòng chảo Điện Biên, qua thành phố Điện Biên Phủ, đến huyện Điện Biên rồi chảy sang Lào hòa vào dòng sông Mekong. Sông Nậm Rốm với lưu vực gần 2.000 km², lượng nước trung bình hàng năm hơn 280.000 m³ đã và đang góp phần quan trọng trong việc kiến tạo nguồn thủy năng, phục vụ đắc lực công cuộc điện khí hoá và công nghiệp hoá cho nhu cầu xây dựng và phát triển của lòng chảo Mường Thanh.

Sông Nậm Rốm phân bổ dòng chảy hai mùa: mùa mưa 80-85% lượng nước, mùa khô chiếm 20-25% nên sản lượng điện do nhà máy sản xuất được tập trung chủ yếu vào mùa mưa khi lượng nước về nhiều và ổn định.

5.3. Chi phí sản xuất

CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ	NĂM 2013		NĂM 2014	
	GIÁ TRỊ	% TỔNG DT	GIÁ TRỊ	% TỔNG DT
Giá vốn hàng bán	116.473.957.288	36,47%	162.943.632.522	41,69%
Chi phí tài chính	23.082.980.372	7,23%	14.996.462.923	3,84%
Chi phí bán hàng	0	0,00%	0	0,00%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.419.527.484	7,33%	29.498.841.474	7,55%

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Chi phí khác	0	0,00%	201668584	0,05%
Tổng cộng	162.976.465.144	51,03%	207.640.605.503	53,12%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013, 2014 của SJD

Do sản phẩm chính của Công ty hiện nay là điện thương phẩm đã được EVN đảm bảo đầu ra trên cơ sở hợp đồng mua bán điện ký với EVN nên Công ty không phát sinh các khoản chi phí marketing, xúc tiến thương mại và chi phí bán hàng. Đây là một lợi thế của Công ty trong việc giảm thiểu chi phí sản xuất, nâng cao lợi nhuận.

Do đặc điểm nhà máy thủy điện là nguyên liệu đầu vào chủ yếu là nguồn nước thiên nhiên nên chi phí vận hành nhà máy thủy điện thường thấp. Theo đó, giá vốn hàng bán của Công ty thường chiếm tỷ lệ thấp so với Tổng doanh thu, thường duy trì ở mức trên dưới 40% trên Tổng doanh thu. Năm 2014, sản lượng điện tăng nên Giá vốn hàng bán cao hơn so với năm 2013 do các chi phí như: chi phí khấu hao, chi phí thuê tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng tính theo sản lượng.

Nhìn chung, tỷ trọng chi phí sản xuất trên Tổng doanh thu của Công ty được duy trì khá ổn định ở mức dưới 55%.

5.4. Trình độ công nghệ

Hệ thống máy móc thiết bị - công nghệ mà CTCP Thủy điện Cần Đơn đang sử dụng thuộc loại tiên tiến, hiện đại nhất hiện nay tại Việt Nam, được cung cấp bởi các tập đoàn lớn của nước ngoài như Metso (Hoa Kỳ), Va Tech Hydro(Áo), Leroy - Sumer (Pháp), là những tập đoàn cung cấp thiết bị công nghiệp và công nghệ tự động hóa hàng đầu trên thế giới. Ba tính năng ưu việt của hệ thống công nghệ tự động hóa mà Công ty đang sử dụng là đơn giản, dễ dàng cho thao tác và vận hành ở độ an toàn rất cao. Trước khi khởi động nhà máy, hệ thống điều khiển sẽ tự kiểm tra các khu vực được điều khiển và tổ máy chỉ được khởi động hoặc dừng khi các chỉ số an toàn đã hiện lên trên màn hình. Ngay trong trường hợp người sử dụng bấm nhầm nút, ra sai lệnh, các tổ máy vẫn không khởi động. Trong khi nhà máy làm việc, các lỗi của bất cứ bộ phận nào trong hệ điều khiển cũng được báo động. Ngoài ra, hệ thống có khả năng dự báo sự cố. Điều này cho phép người sử dụng biết trước các sự cố có thể hoặc sắp xảy ra để có phương án chuẩn bị, giảm thiểu thời gian sửa chữa, bảo hành. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ kỹ thuật của nhà máy có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm đã làm chủ được hoàn toàn công nghệ nên nhà máy luôn được vận hành an toàn, đạt hiệu quả sản xuất cao.

Các thông số kỹ thuật của các thiết bị chính của nhà máy Thủy điện Cần Đơn:

- ✓ Số tổ máy: 02 (M1 và M2)
- ✓ Công suất lắp đặt: 77,6 MW
- ✓ Số giờ sử dụng công suất lắp máy: 4.200 giờ/năm
- ✓ Điện lượng trung bình nhiều năm: 294,4 triệu kWh/năm, tương ứng với sản lượng điện bán ra tại thanh

cái 110 KV của nhà máy là 292 triệu KWh/năm.

- ✓ Tuabin: 02
- ✓ Lưu lượng nước qua Tua bin: 120-130 m³/s
- ✓ Rơ le bảo vệ: loại kỹ thuật số

Các thông số kỹ thuật của các thiết bị chính nhà máy thủy điện Ry Ninh II:

- ✓ Số tổ máy: 03
- ✓ Công suất lắp đặt: 8,1 MW
- ✓ Số giờ vận hành trong năm: > 6.000 giờ/năm
- ✓ Sản lượng điện trung bình: 55 triệu kWh/năm.
- ✓ Tuabin: Do chi nhánh Va Tech Ấn Độ của tập đoàn Va Tech Hydro Group (Áo) sản xuất, cột nước tính toán H = 121m, lưu lượng nước qua 1 tua bin 7,99 m³/s
- ✓ Máy phát điện: Do tập đoàn Leroy-Sumer (Pháp) sản xuất tuân thủ tiêu chuẩn do Ủy ban Kỹ thuật điện quốc tế (IEC - International Electrotechnical Commission) ban hành
- ✓ Rơ le kỹ thuật số

Các thông số kỹ thuật của các thiết bị chính nhà máy thủy điện Nà Lơi:

- ✓ Số tổ máy: 03
- ✓ Công suất lắp đặt: 9,3 MW
- ✓ Sản lượng điện trung bình: 46,29 triệu kWh/năm.
- ✓ Máy phát điện: Do tập đoàn Andrizt Hydro Ấn Độ sản xuất tuân thủ tiêu chuẩn do Ủy ban Kỹ thuật điện quốc tế (IEC - International Electrotechnical Commission) ban hành

5.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

Do sản phẩm mà Công ty cung cấp là điện thương phẩm, công tác quản lý chất lượng của Công ty tập trung vào đảm bảo chất lượng điện cung cấp (*tần số, điện áp, mức độ ổn định lưới điện...*), an toàn kỹ thuật trong vận hành máy móc, các công trình đập, hồ chứa và đảm bảo an toàn lao động. Ngoài việc kiểm tra định kỳ độ tin cậy và an toàn của tất cả các thiết bị, phương tiện, các công trình thủy nông, đội ngũ cán bộ vận hành nhà máy còn được huấn luyện thành thực để có thể nhanh chóng khắc phục các sự cố, đảm bảo sự liên tục và ổn định trong việc cung cấp điện cho lưới điện quốc gia.

5.6. Hoạt động Marketing

Ngành điện có thị trường rộng lớn khắp cả nước, khách hàng tiêu thụ cuối cùng là mọi hộ gia đình, tất cả các cơ

quan, xí nghiệp, văn phòng... Tuy nhiên, hiện nay ngành điện là ngành kinh tế độc quyền: chỉ có EVN là người mua điện duy nhất và cũng là người bán điện duy nhất đến người tiêu dùng.

Do sản phẩm của Công ty thuần túy là điện thương phẩm nên hoạt động Marketing của Công ty sẽ tập trung cho các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác mà Công ty đang có chiến lược phát triển. Cụ thể, Công ty xác định sẽ từng bước hình thành và đẩy mạnh công tác tiếp thị ở một số lĩnh vực như: Cung cấp dịch vụ tư vấn, lắp đặt thiết bị điện; thí nghiệm thiết bị điện; thiết kế công nghệ các nhà máy thủy điện; đào tạo, cung cấp dịch vụ đào tạo cán bộ vận hành và quản lý nhà máy thủy điện và một số lĩnh vực kinh doanh khác có tỷ suất lợi nhuận cao hơn so với ngành sản xuất điện. Địa bàn hoạt động sẽ tập trung chủ yếu vào khu vực miền trung và miền nam.

5.7. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện tại Công ty chưa đăng ký nhãn hiệu thương mại mà đang sử dụng biểu tượng của Tổng Công ty Sông Đà, phía dưới có thêm dòng chữ CẦN ĐƠN.



Biểu tượng của Tổng Công ty Sông Đà đã được Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 60204 theo Quyết định số A1024/QĐ-ĐK ngày 16/02/2005.

Nhãn hiệu “Sông Đà” theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 66125 theo quyết định số A9294/QĐ-ĐK ngày 24/8/2005 của Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ và các nhãn hiệu theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 66123 và 66124.

5.8. Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

STT	TÊN HỢP ĐỒNG	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG	THỜI ĐIỂM KÝ KẾT	THỜI GIAN THỰC HIỆN	SẢN PHẨM	ĐỐI TÁC
1	Hợp đồng bán ¹ điện	0,045USD/kWh ²	1999	25 năm kể từ ngày ký hợp đồng	Điện thương phẩm	EVN
2	Hợp đồng mua bán điện	0,041 USD/kw	29/12/1999	Được thực hiện trong suốt thời gian hoạt động của Nhà máy	Điện thương phẩm	Công ty điện lực 3-EVN

¹ Hợp đồng do Tổng Công ty Sông Đà ký với EVN, được chuyển giao lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn.

² Giá bán điện là 0,045USD/kWh áp dụng đối với sản lượng điện đến mức bình quân 292 triệu kWh, giá bán điện 0,0225 USD/kWh áp dụng đối với sản lượng điện trên mức 292 triệu kWh.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

STT	TÊN HỢP ĐỒNG	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG	THỜI ĐIỂM KÝ KẾT	THỜI GIAN THỰC HIỆN	SẢN PHẨM	ĐỐI TÁC
3	Hợp đồng mua bán điện	0,042 USD/kw	10/09/2004	Được thực hiện trong suốt thời gian hoạt động của Nhà máy	Điện thương phẩm	Công ty điện lực 1-EVN

Nguồn: SJD

6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

- Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Đơn vị: đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2013	NĂM 2014	% TĂNG/ GIẢM so với 2013
1	Tổng giá trị tài sản	1.143.649.886.542	1.296.136.647.137	13,33%
2	Vốn chủ sở hữu	812.194.206.115	995.238.747.752	22,54%
3	Doanh thu thuần	309.695.568.699	390.854.711.126	26,21%
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	155.458.128.455	192.893.336.904	24,08%
5	Lợi nhuận khác	949.522.727	72.831.416	-92,33%
6	Lợi nhuận trước thuế	156.407.651.182	192.966.168.320	23,37%
7	Lợi nhuận sau thuế	148.381.864.077	183.223.201.141	23,48%
8	Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	18,27%	18,41%	0,14%
9	Cổ tức	20%	20% (dự kiến)	0%

Nguồn: SJD

- Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty mẹ

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2013	NĂM 2014	% TĂNG/ GIẢM so với 2013
1	Tổng giá trị tài sản	1.099.505.814.918	1.139.230.288.102	3,61%
2	Vốn chủ sở hữu	814.977.678.582	998.216.374.399	22,48%
3	Doanh thu thuần	309.695.568.699	390.172.254.774	25,99%

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2013	NĂM 2014	% TĂNG/ GIẢM so với 2013
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	155.458.128.455	192.893.336.904	24,08%
5	Lợi nhuận khác	949.522.727	72.831.416	-92,33%
6	Lợi nhuận trước thuế	156.407.651.182	192.966.168.320	23,37%
7	Lợi nhuận sau thuế	148.381.864.077	183.223.201.141	23,48%
8	Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	18,27%	18,36%	0,09%
9	Cổ tức	20%	20% (dự kiến)	0%

Nguồn: SJD

Ý kiến của kiểm toán (trích Báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất 2014 của SJD)

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. “

Năm 2014, Công ty sáp nhập với CTCP Thủy điện Nà Loi - một đơn vị kinh doanh hiệu quả và có tỷ suất sinh lời tốt nên hầu hết các chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty đều tăng tương ứng.

Doanh thu thuần của hệ thống SJD năm 2014 tăng 25.99% so với năm 2013 chủ yếu từ phần cộng thêm của sản lượng điện sản xuất của nhà máy thủy Nà Loi do sản lượng của nhà máy thủy điện Cần Đơn và nhà máy thủy điện Ry Ninh II gần như giữ nguyên so với năm 2013.

Đối với nhà máy thủy điện Cần Đơn, trung bình từ 2004 đến nay, sản lượng điện thương phẩm thực tế bình quân đạt 349 triệu kwh, cao hơn đáng kể so với sản lượng bình quân theo thiết kế 292 triệu kwh. SJD được hưởng lợi khá nhiều từ giá bán điện cho EVN được cố định ở mức 0,045 USD/kwh cho toàn bộ sản lượng điện thương phẩm (trước năm 2007), nhưng từ năm 2007, giá bán điện đối với mức sản lượng trên 292 triệu kwh chỉ bằng 50%, tức 0,0225 USD/kwh. Trong khi đó, doanh thu từ nhà máy RyNinh II và Nà Loi có xu hướng ổn định hơn do giá bán điện cố định và sản lượng điện cũng biến động ít hơn.

Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu của Công ty luôn ở mức cao trên 20% vì ngoài lợi thế về giá bán điện cao, một điểm lợi nữa là SJD được hưởng ưu đãi thuế TNDN (tổng hợp các ưu đãi thuế, SJD được hưởng thuế suất 10% thuế TNDN trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu, miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, miễn thuế tiếp 2 năm 2008 – 2009, và giảm 50% số thuế phải nộp tới năm 2016).

6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Thuận lợi:

SJD được hưởng lợi khá nhiều từ giá bán điện cho EVN được cố định ở mức 0,045 USD/kWh cho toàn bộ sản lượng điện thương phẩm (*trước năm 2007*), từ năm 2007 đến nay, giá bán điện đối với mức sản lượng trên 292 triệu kWh chỉ bằng 50%, tức 0,0225 USD/kWh.

Điều kiện thời tiết năm 2014 thuận lợi hơn cho việc sản xuất điện như trong năm 2013. Do đó sản lượng điện năm 2014 tăng so với năm 2013, kéo theo Doanh thu, lợi nhuận năm 2014 đều tăng so với năm 2013.

Khó khăn:

Giá bán điện bình quân thấp do sản lượng trên mức 292 triệu kWh chỉ được tính giá bằng 50% giá thông thường;

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Hiện tại Công ty đang vận hành 3 nhà máy thủy điện bao gồm: Nhà máy thủy điện Cần Đơn với công suất lắp đặt 77,6 MW chiếm một thị phần tương đối nhỏ trong hệ thống lưới điện Quốc gia, chưa tới 2% tổng công suất lắp đặt của các nhà máy thủy điện đang hoạt động trên phạm vi toàn quốc, Nhà máy thủy điện Ry Ninh II với công suất lắp đặt 8,1MW và Nhà máy thủy điện Nà Lơi với công suất lắp đặt 9,3MW. Năm 2014, sản lượng điện thương phẩm của toàn Công ty đạt 415 triệu kWh tức là chỉ chiếm khoảng 0,36% tổng sản lượng điện thương phẩm của tất cả các nhà máy điện trên toàn quốc (*tổng sản lượng điện thương phẩm cả nước trong năm 2014 đạt 115,06 tỷ kWh*).

Phân tích SWOT của Công ty

Thế mạnh	Điểm yếu
<ul style="list-style-type: none">- Sản phẩm điện thương phẩm của Nhà máy thủy điện Cần Đơn được EVN bao tiêu toàn bộ trong suốt thời gian dự án (25 năm) nên đầu ra được đảm bảo, sản phẩm điện thương phẩm của Nhà máy thủy điện Ry Ninh II được Công ty Điện 3-EVN bao tiêu toàn bộ trong suốt thời gian 20 năm nên đầu ra của Công ty được đảm bảo- Hệ thống máy móc, thiết bị công nghệ tiên tiến đảm bảo vận hành đạt hiệu suất cao và an toàn.- Đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm.- Với lượng vốn chủ sở hữu tương đối lớn, tình hình tài chính lành mạnh, làm ăn có lãi, Công ty	<ul style="list-style-type: none">- Sản phẩm chính của Công ty là điện thương phẩm. Trong điều kiện thị trường ngành điện còn tồn tại tình trạng độc quyền mua và bán điện, Công ty ít có khả năng tạo đột biến trong kết quả sản xuất kinh doanh nếu không đa dạng hóa sang các lĩnh vực kinh doanh khác.

có đủ khả năng chủ động trong đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh.	
Cơ hội	Thách thức
<ul style="list-style-type: none"> - Nhu cầu điện năng tiếp tục tăng nhanh hơn nguồn cung cấp trong những năm sắp tới. Bên cạnh đó, nhà máy thủy điện Cần Đơn nằm trong khu vực kinh tế phát triển năng động miền Đông Nam Bộ nên có nhiều cơ hội mở rộng sản xuất kinh doanh điện và các sản phẩm có liên quan khác. - Phát triển thủy điện nằm trong chiến lược ưu tiên phát triển nguồn phát điện của nước ta cho tới 2020. Do đó, các doanh nghiệp thủy điện tiếp tục nhận được nhiều ưu đãi, hỗ trợ từ phía Nhà nước. - Định hướng đa dạng hóa lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty mở ra nhiều cơ hội sản xuất kinh doanh mới cho Công ty, góp phần nâng cao doanh thu và lợi nhuận. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trong giai đoạn sắp tới, khi nước ta bắt đầu hình thành thị trường mua bán điện cạnh tranh, Công ty phải nỗ lực để giảm giá thành sản xuất, cải tiến công nghệ, tìm kiếm khách hàng. - Trong tương lai sẽ có những nguồn năng lượng mới cạnh tranh hoặc thay thế thủy năng để sản xuất ra điện năng (<i>năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng nguyên tử...</i>). Tuy nhiên việc phát triển và tận dụng những nguồn năng lượng mới này ở nước ta sẽ đòi hỏi một thời gian tương đối dài.

Lợi thế cạnh tranh nổi bật của nhà máy là hệ thống thiết bị máy móc, công nghệ tiên tiến, hiện đại vào bậc nhất hiện nay tại Việt Nam, được cung cấp bởi Tập đoàn Metso (*Hoa Kỳ*), một trong những Tập đoàn cung cấp thiết bị công nghiệp và công nghệ tự động hóa hàng đầu trên thế giới. Ba tính năng ưu việt của hệ thống công nghệ tự động hóa maxDNA mà nhà máy đang vận hành là đơn giản, dễ dàng cho thao tác và vận hành ở độ an toàn rất cao. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ kỹ thuật của nhà máy có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm đã làm chủ được hoàn toàn công nghệ nên nhà máy luôn được vận hành an toàn, đạt hiệu quả sản xuất cao.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành

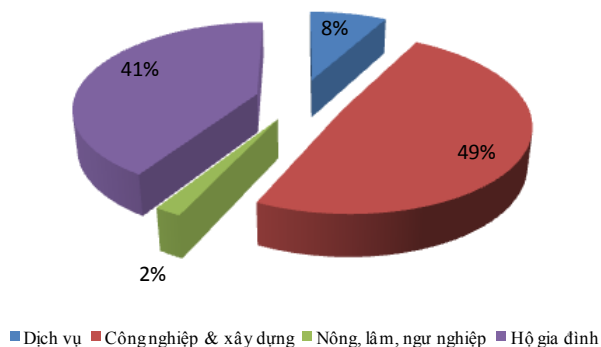
Nhu cầu tiêu thụ điện năng hàng năm của Việt Nam được dự báo tăng trưởng 11-14% mỗi năm. Theo ước tính của Tập đoàn điện lực Việt Nam (*EVN*), trong giai đoạn từ 2010-2020, nhu cầu tiêu thụ điện cả nước tăng từ 92 tới 250 triệu MWh. Nhìn từ góc độ nhà cung cấp, tình trạng thiếu điện vẫn còn diễn ra khá phổ biến ở Việt Nam và ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế trong tương lai. Do thực trạng ngân sách nhà nước và các doanh nghiệp nhà nước không đủ khả năng để đầu tư vào các dự án nguồn điện mới nên thị trường năng lượng điện hiện tại đã có sự tham gia tích cực của các nhà máy điện độc lập (*IPP*) và tập đoàn ngoài quốc doanh.

Tiêu thụ năng lượng điện ở Việt Nam có xu hướng tăng trưởng mạnh và đã vượt qua tốc độ tăng trưởng GDP trong vòng 1 thập kỷ qua. Tốc độ tăng trưởng đạt 15% năm, từ 22 triệu MWh trong năm 2000 lên mức 92 triệu MWh trong năm 2010. Các nhân tố tác động mạnh tới nhu cầu năng lượng trong các năm qua được cho là do tăng trưởng GDP cao, trung bình 8% giai đoạn 2000-2010; tốc độ đô thị hóa cao, bình quân ước đạt mức 3%/năm đến năm 2015, gia tăng tốc độ công nghiệp hóa và tăng thu nhập. Ngoài ra, tỷ lệ điện khí hóa (*tỷ lệ hộ gia đình có*

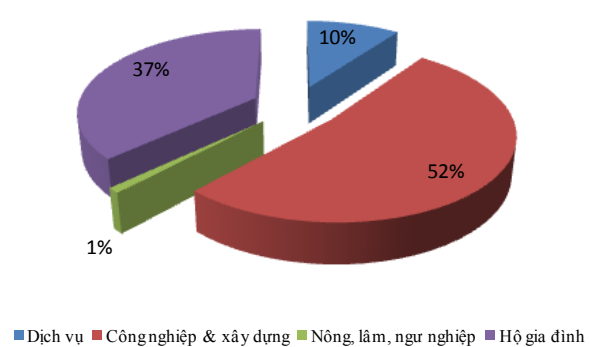
kết nối điện) của Việt Nam đạt mức cao là 96%, đó cũng là nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự gia tăng đáng kể nhu cầu tiêu thụ điện năng.

EVN đã liên tục đánh giá thấp tốc độ tăng trưởng nhu cầu điện trong các kế hoạch phát triển ngành điện trước đây. Tuy nhiên, báo cáo cập nhật gần đây cho thấy nhu cầu đã tăng trung bình 16% mỗi năm trong giai đoạn 2007 - 2010 và tốc độ tăng trưởng nhu cầu dự báo đạt 14% trong giai đoạn 2011-2015, và đạt 11% /năm trong giai đoạn 2016-2020.

Hình 1. Cơ cấu nhu cầu tiêu thụ điện (2000)
Tổng nhu cầu: 22 triệu MWh



Hình 2. Cơ cấu nhu cầu tiêu thụ điện (2010)
Tổng nhu cầu: 92 triệu MWh



Nguồn: EVN

EVN là công ty nhà nước quản lý lĩnh vực năng lượng điện của Việt Nam và chịu trách nhiệm cung ứng điện trên toàn quốc. Hiện tại EVN chiếm khoảng 68% của Tổng sản lượng điện cung cấp trong nước, phần còn lại được cung cấp bởi các nhà máy điện độc lập và nhập khẩu từ các nước láng giềng. Ngoài ra, EVN hiện tại đang quản lý toàn bộ khâu truyền tải và mạng lưới phân phối toàn quốc.

Với sự gia tăng nhu cầu về điện trong những năm gần đây, Việt Nam đã và đang gặp nhiều khó khăn do sự thiếu hụt năng lượng. Nguyên nhân của sự thiếu hụt năng lượng điện chủ yếu là kết quả của việc EVN không có khả năng để phát triển các dự án điện mới do thiếu vốn. Tình hình tài chính của EVN đã gặp nhiều khó khăn trong những năm gần đây do chi phí đầu vào liên tục tăng, chính sách áp dụng giá trần trên giá điện và sự thiếu hiệu quả trong sản xuất và phân phối.

Chính vì các nguyên nhân cơ bản trên nên hiện tại Việt Nam đang phải gánh chịu tình trạng thiếu điện và phải dựa vào một phần nguồn điện nhập khẩu từ các nước láng giềng. Để giảm bớt tình trạng thiếu điện ở miền Bắc, Việt Nam bắt đầu mua điện từ Trung Quốc trong năm 2006 với tổng khối lượng hơn 1 triệu MWh vận chuyển qua đường dây 110kV xuyên qua các tỉnh Quảng Tây và Vân Nam của Trung Quốc. Việt Nam cũng có kế hoạch đầu tư bổ sung nhà máy điện tại Lào thông qua việc Tổng Công ty Sông Đà đã đầu tư 311 triệu USD vào một nhà máy thủy điện 250 MW tại Lào, với mục đích nâng cao năng lực cung cấp điện.

Trong tháng 7 năm 2011, Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030 (*Quy hoạch điện VII*), trong đó nhấn mạnh an ninh năng lượng, hiệu suất năng lượng, phát triển nguồn năng lượng tái tạo và tự do hóa thị trường năng lượng. Theo kế hoạch dự kiến, công suất phát điện tổng hợp của tất cả các nhà máy điện ở Việt Nam sẽ tăng lên 75.000 MW vào năm 2020, hướng đến mục tiêu 147.000 MW vào năm 2030. Để đạt được mục tiêu này, Chính phủ ước tính tổng vốn đầu tư cần thiết cho ngành điện là khoảng 48,8 tỷ USD trong giai đoạn 2011-2020, trong đó hai phần ba sẽ được sử dụng để sản xuất điện và phần còn lại để phát triển mạng lưới, ước tính khoảng 75 tỷ USD cho giai đoạn 2021-2030.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Mặc dù có sự đóng góp ngày càng lớn của nhiệt điện vào tổng công suất năng lượng điện của Việt Nam, tuy nhiên Quy hoạch điện VII vẫn nhấn mạnh sự phát triển của các nguồn năng lượng tái tạo. Quy hoạch tách biệt thủy điện truyền thống khỏi các nguồn tái tạo khác, trong đó bao gồm thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời, khí sinh học / sinh khối, địa nhiệt, chất thải và các nguồn năng lượng tái tạo thay thế khác.

Việt Nam là một trong những nước giàu thủy năng hàng đầu thế giới, với 2.360 con sông có tổng chiều dài hơn 42.000 km. Tiềm năng thủy điện của Việt Nam được ước tính ở mức 84 triệu MWh mỗi năm. Có khoảng 150 địa điểm có thể được sử dụng để xây dựng thủy điện với tổng công suất thiết kế khoảng 18.000 đến 20.000 MW cho các nhà máy thủy điện lớn và vừa (*hiều nơi công suất thiết kế có thể vượt 30 MW*). 408 địa điểm khác đã được xác định là phù hợp cho các nhà máy thủy điện nhỏ (*những nhà máy có công suất dưới 30 MW*), tạo ra tổng lượng điện khoảng 2.000 đến 4.000 MW.

Xét về các yêu cầu vốn cần thiết để phát triển ngành điện, Quy hoạch điện VII đưa ra các chính sách thu hút đầu tư nước ngoài, bao gồm đa dạng hóa các hình thức đầu tư, giảm vốn tăng chi phí cho các dự án điện, và tăng giá điện để đảm bảo hợp lý lợi nhuận cho nhà đầu tư.

Cơ cấu nguồn điện theo công suất và sản lượng cho giai đoạn 2010-2020 tầm nhìn 2030

STT	Danh mục	2020			2030		
		Tổng công suất lắp đặt (MW)	Thị phần trong tổng công suất lắp đặt (%)	Thị phần trong tổng sản lượng điện (%)	Tổng công suất lắp đặt (MW)	Thị phần trong tổng công suất lắp đặt (%)	Thị phần trong tổng sản lượng điện (%)
1	Nhiệt điện than	36.000	48,0	46,8	75.000	51,6	56,4
2	Nhà máy nhiệt điện tua bin khí	10.400	13,9	20,0	11.300	7,7	10,5
3	Nhà máy nhiệt điện chạy tua bin khí LNG	2.000	2,6	4,0	6.000	4,1	3,9
4	Nhà máy thủy điện	17.400	23,1	19,6	n/a	11,8	9,3
5	Nhà máy thủy điện tích năng	1.800	2,4		5.700	3,8	
6	Nhà máy điện sinh khối	500	5,6	4,5	2.000	9,4	6,0
7	Nhà máy điện gió	1.000			6.200		
8	Nhà máy điện nguyên tử	n/a	n/a	2,1	10.700	6,6	10,1
9	Nhập khẩu	2.200	3,1	3,0	7.000	4,9	3,8
Tổng cộng		75.000	100	100	146.800	100	100

Nguồn năng lượng điện chiếm tỷ trọng cao hiện nay vẫn là nhiệt điện than. Điện nguyên tử và năng lượng tái tạo có đóng góp đáng kể trong giai đoạn 2010 - 2020 và sẽ dần trở nên tương đối quan trọng trong giai đoạn 2020 - 2030. Thủy điện vẫn duy trì thị phần không đổi trong giai đoạn 2010 - 2020 và 2020 - 2030 vì thủy điện gần như

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

đã được khai thác hết trên toàn quốc.

Cụ thể là vào năm 2020, cơ cấu sản lượng các nguồn điện là nhiệt điện than 46,8%, thủy điện và thủy điện tích năng 19,6%, nhiệt điện chạy khí và khí LNG (*khí hóa lỏng*) 24%, năng lượng tái tạo 4,5%, năng lượng nguyên tử 2,1% và 3.0% nhập khẩu từ các quốc gia khác.

7.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

BẢNG SO SÁNH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HĐKD CỦA SJD VÀ CÁC DN CÙNG NGÀNH

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Chỉ tiêu	SJD	DRL	TBC	TMP	HJS	SBA
1	Tổng giá trị tài sản	1.296.136.647	122.774.333	980.220.113	1.593.446.616	588.532.969	1.448.044.688
2	Doanh thu thuần	390.854.711	65.891.344	334.208.311	713.458.881	144.273.961	211.860.493
3	Lợi nhuận từ HĐKD	192.893.336	34.355.004	180.797.385	313.981.069	24.263.556	69.467.694
4	Lợi nhuận khác	72.831	-6.352	276.488	924.515	1.954.892	-217.595
5	Lợi nhuận trước thuế	192.966.168	36.231.425	142.247.743	313.727.983	23.605.893	69.535.418
6	Lợi nhuận sau thuế	183.223.201	34.030.248	144.011.109	239.326.649	21.147.864	65.389.603
7	Vốn chủ sở hữu	995.238.747	109.486.349	928.807.716	1.025.827.274	189.961.748	685.846.551
8	Số lượng CP lưu hành	45.999.150	9.500.000	63.500.000	70.000.000	14.999.989	60.288.331
9	Giá	31,3	36,8	25,5	26,9	11,8	11
10	EPS	4,42	3,58	2,27	3,42	1,41	1,08
11	BV	21,63	11,52	14,63	14,65	12,66	11,38
12	P/E	7,08	10,28	11,23	7,87	8,37	10,19
13	P/B	1,45	3,19	1,74	1,84	0,93	0,97
14	ROA	14,14%	27,72%	14,69%	15,02%	3,59%	4,52%
15	ROE	18,41%	31,08%	15,50%	23,33%	11,13%	9,53%

Nguồn: BCTC năm 2014 của các doanh nghiệp

Thời điểm lấy số liệu về giá cổ phiếu: 02/03/2015

DRL - Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3

TBC - Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà

TMP - Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ

HJS - Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu

SBA - Công ty Cổ phần Sông Ba

Dựa trên bảng so sánh ta thấy kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của SJD ở mức tốt so với các doanh nghiệp cùng ngành thủy điện. Trong các doanh nghiệp được so sánh cùng SJD thì Công ty có EPS tốt nhất và tỷ lệ ROE đứng thứ ba.

7.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của

Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

Đứng trước thực trạng ngành điện nói chung và lĩnh vực thủy điện nói riêng, Công ty Thủy điện Cần Đơn đã đề ra nhiều biện pháp nhằm nâng cao sản lượng điện thương phẩm hàng năm và hạ giá thành sản phẩm, cụ thể như:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đầu tư nâng cao năng lực thiết bị của nhà máy nhằm nâng cao hiệu quả cho SXKD.
- Liên lạc chặt chẽ với nhà máy thủy điện Thác Mơ để nắm chắc chế độ thủy văn, kế hoạch chạy máy, sửa chữa để phối hợp thực hiện một cách hiệu quả nhất và vận hành lòng hồ và đăng ký công suất, thời gian phát điện hợp lý để đảm bảo suất tiêu hao nước trên 1kWh. Nhà máy thủy điện Thác Mơ là nhà máy trên thượng nguồn của nhà máy thủy điện Cần Đơn nên kế hoạch sản xuất kinh doanh, xả nước, tích nước, v.v... của thủy điện Thác Mơ ảnh hưởng lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của SJD
- Nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động SXKD của Công ty. Coi trọng công tác thông tin liên lạc với Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia và Trung tâm điều độ hệ thống điện Miền Nam.
- Kiểm tra, rà soát các chi phí quản lý vận hành, các định mức, đơn giá chi phí quản lý nội bộ để điều chỉnh phù hợp, kịp thời trên cơ sở tiết kiệm tối thiểu 5-10% tổng chi phí đã được HĐQT phê duyệt.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1. Số lượng và cơ cấu người lao động trong Công ty

Tính đến 31/12/2014, Công ty có 231 lao động. Cơ cấu lao động của Công ty phân chia theo trình độ cụ thể như sau:

STT	TRÌNH ĐỘ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ %
1	Đại học và trên Đại học	47	20
2	Cao đẳng	19	8
3	Trung học chuyên nghiệp	20	9
4	Công nhân kỹ thuật và trình độ khác	145	63
Tổng cộng		231	100

Nguồn: SJD

8.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

- Công ty luôn đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định hiện hành của pháp luật về lao động như: Trích nộp đầy đủ và đúng hạn bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, nâng bậc lương hàng năm theo kỳ cho cán bộ công nhân viên.
- Công ty luôn quan tâm, tạo điều kiện bồi dưỡng, nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ

công nhân viên. Nhiều cán bộ có trình độ, năng lực phẩm chất đã được cử tham gia các khóa đào tạo chuyên môn ngắn và dài hạn cả trong lẫn ngoài nước.

- Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng, động viên kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động, có đóng góp, sáng kiến cải tiến kỹ thuật giúp nâng cao năng suất lao động và doanh thu; đồng thời cũng áp dụng những biện pháp, qui định xử phạt đối với những cán bộ công nhân viên vi phạm nội qui, kỷ luật lao động.
- Công tác bảo hộ an toàn lao động, phòng chống cháy nổ cũng nhận được sự quan tâm thích đáng của Công ty. Công ty đã ban hành đồng bộ hệ thống các qui định về an toàn lao động, tổ chức huấn luyện hướng dẫn cán bộ công nhân viên sử dụng an toàn các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, tổ chức kiểm tra định kỳ hàng tháng, hàng quý độ tin cậy và an toàn của các thiết bị máy móc, các công trình thủy công.
- Công ty phối hợp với Công đoàn, Đoàn thanh niên tổ chức các đợt phát động thi đua lao động sản xuất, đẩy mạnh công tác văn-thể-mỹ, nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ công nhân viên.

9. Chính sách cổ tức

Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ năm 2004. Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, chính sách phân phối cổ tức sẽ do HĐQT đề nghị và ĐHĐCĐ quyết định. Cụ thể, SJD chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế cũng như các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, HĐQT đề xuất phương án chia cổ tức phù hợp trình ĐHĐCĐ quyết định. Tùy theo tình hình thực tế, HĐQT có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo quý hoặc 6 tháng nhưng không vượt quá mức cổ tức dự kiến.

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014 (dự kiến)
Tỷ lệ cổ tức chi trả	15%	20%	22%	20%

Nguồn: SJD

10. Tình hình tài chính

10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

- Trích khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc: 08 -50 năm;

Máy móc, thiết bị : 03 - 20 năm;

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Phương tiện vận tải: 06-10 năm;

Thiết bị văn phòng: 03 – 08 năm

Riêng đối với TSCĐ là Nhà máy Thủy điện Cần Đơn thì thực hiện khấu hao theo sản lượng điện sản xuất trong năm trên tổng sản lượng thiết kế vận hành trong thời gian hoạt động của nhà máy là 25 năm tính từ khi nhà máy đi vào hoạt động, đảm bảo sau 25 năm hoạt động khấu hao hết giá trị của nhà máy thủy điện Cần Đơn.

Trong năm Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, theo đó Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng, đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn không quá 3 năm.

- Mức lương bình quân:

Năm 2013 mức lương bình quân của CBCNV: 11.527.000 đồng/người

Năm 2014 mức lương bình quân của CBCNV: 12.300.000 đồng/người

Như vậy, so với các doanh nghiệp trong cùng ngành, mức lương bình quân của CBCNV Công ty Thủy điện Cần Đơn được đánh giá là tương đối cao.

- Thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Công ty luôn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ đến hạn.

- Các khoản phải nộp theo luật định.

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2013	31/12/2014
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	1.160.486.750	2.238.735.126
Thuế TNDN	1.352.960.110	3.011.739.451
Thuế Thu nhập cá nhân	112.163.726	248.859.397
Thuế tài nguyên	654.923.490	2.554.733.399
Các loại thuế khác	-	-
Các khoản phí, lệ phí	1.746.820.000	11.146.948.600
Tổng cộng	5.027.354.076	19.201.015.973

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013, 2014 của SJD

Theo Giấy phép đầu tư số 04/GP-ĐTTN ngày 15/09/1999 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

04/GPĐC-ĐTTN ngày 28/05/2001, SJD được ưu đãi theo mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 04 (bốn) năm kể từ ngày có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho 09 (chín) năm tiếp theo đối với thu nhập phát sinh từ sản xuất và kinh doanh điện;

Theo Công văn số 11924 TC/CST ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính về ưu đãi thuế TNDN đối với tổ chức niêm yết chứng khoán, các tổ chức được niêm yết lần đầu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán được giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong vòng 02 năm kể từ khi thực hiện niêm yết.

Theo Công văn số 39/CT-TTHT ngày 10/01/2008 của Cục thuế tỉnh Bình Phước, Công ty sẽ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho 02 năm (2008 và 2009) và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho 07 năm tiếp theo.

Theo Công văn số 11996/BTC-CST ngày 05/09/2012 của Bộ Tài chính về việc chuyển đổi thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp BOT, Công ty được ưu đãi theo mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm kể từ năm 2010.

Theo đó, thời gian và tỷ lệ thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được hưởng cụ thể như sau:

Thời gian	2004 - 2009	2010 - 2016	2017 - 2018	2019 - 2029
Thuế suất	Miễn thuế	5%	10%	20%

- Trích lập các quỹ theo luật định

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2013	31/12/2014
Quỹ Đầu tư phát triển	110.815.237.431	145.766.924.148
Quỹ Dự phòng tài chính	31.887.145.762	44.621.237.170
Quỹ Khen thưởng phúc lợi	1.718.413.225	4.176.954.637
Tổng cộng	144.420.796.418	194.565.115.955

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013, 2014 của SJD

- Tổng dư nợ vay

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2013		31/12/2014	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Vay và nợ ngắn hạn	49.984.456.586	23,82%	1.813.481.203	0,86%

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

KHOẢN MỤC	31/12/2013		31/12/2014	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Vay và nợ dài hạn	236.137.441.170	76,18%	208.684.273.762	99,14%
Tổng dư nợ vay	286.121.897.756	100,00%	210.497.754.965	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013, 2014 của SJD

- Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu của SJD

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2013	31/12/2014
Phải thu khách hàng	139.120.608.480	152.548.702.868
Trả trước người bán	16.187.383.690	7.231.141.132
Các khoản phải thu khác	19.030.226.426	37.794.251.080
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-170.000.000
Tổng cộng	174.338.218.596	197.404.095.080

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013, 2014 của SJD

Khoản phải thu khách hàng chủ yếu là khoản phải thu (*tiền bán điện*) từ Tổng Công ty Sông Đà. Điều này là do: Tại thời điểm thành lập nhà máy thủy điện Cần Đơn, Tổng Công ty Sông Đà là người đứng ra ký kết hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (*nay là Tập đoàn điện lực Việt Nam*). Sau này, khi chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty BOT Cần Đơn thuộc Tổng công ty Sông Đà thành Công ty cổ phần, hợp đồng mua bán điện được Tổng công ty Sông Đà tiếp tục thực hiện. Theo đó, tiền bán điện của Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn được Tập đoàn điện lực Việt Nam thanh toán về Tổng công ty Sông Đà. Sau khi tiền điện về Tổng công ty Sông Đà sẽ được Tổng công ty Sông Đà chuyển về cho Công ty định kỳ hàng tháng. Từ trước đến nay không phát sinh vấn đề gì liên quan đến khoản phải thu này và không ảnh hưởng gì đến tình hình kinh doanh cũng như tình hình tài chính của Công ty.

Các khoản phải trả của SJD

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2013	31/12/2014
Nợ ngắn hạn	82.237.591.421	78.860.322.000
Vay và nợ ngắn hạn	49.984.456.586	1.813.481.203

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

KHOẢN MỤC	31/12/2013	31/12/2014
Phải trả người bán	7.025.199.224	44.217.212.767
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.027.354.076	19.201.015.973
Phải trả người lao động	5.133.521.626	7.336.526.469
Chi phí phải trả	6.800.299.542	50.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	6.548.347.142	2.065.130.951
Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.718.413.225	4.176.954.637
Nợ dài hạn	236.137.441.170	208.684.273.762
Vay và nợ dài hạn	236.137.441.170	208.684.273.762
Tổng cộng	318.375.032.591	287.544.595.762

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013, 2014 của SJD

10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu tài chính hợp nhất:

STT	KHOẢN MỤC	ĐƠN VỊ	NĂM 2013	NĂM 2014
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1.	Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	3,32	4,08
	Hệ số thanh toán nhanh	lần	3,13	3,84
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
2.	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,28	0,22
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,39	0,29
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
3.	Vòng quay hàng tồn kho	vòng	8,71	9,58
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	0,29	0,32
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
4.	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	47,91%	46,88%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	20,16%	20,27%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	13,73%	15,02%

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

STT	KHOẢN MỤC	ĐƠN VỊ	NĂM 2013	NĂM 2014
	Hệ số Lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	50,20%	49,35%
	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng	4.118	4.423

Nguồn: SJD

Năm 2014, với việc sáp nhập CTCP Thủy điện Nà Loi, một đơn vị kinh doanh hiệu quả và hoàn toàn không có vay nợ ngắn và dài hạn, các chỉ tiêu tài chính của CTCP Thủy điện Cần Đơn đều có sự cải thiện rõ rệt:

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán: chỉ tiêu về khả năng thanh toán ngắn hạn tăng từ 3,32 lên 4,08 và chỉ tiêu về khả năng thanh toán nhanh tăng từ 3,13 lên 3,84 thể hiện sự an toàn về mặt tài chính của Công ty.

Hệ số nợ trên tổng tài sản và vốn chủ sở hữu đều giảm do CTCP Thủy điện Nà Loi, đơn vị mới được sáp nhập vào SJD hoàn toàn không có nợ vay.

Năm 2014, các chỉ tiêu về năng lực hoạt động đều tăng ở mức khá cho thấy công ty đã nhanh chóng vượt qua những khó khăn ban đầu của việc quản lý và điều hành sau khi sáp nhập các công ty thủy điện tại những địa bàn khác nhau và giải quyết tốt vấn đề quan hệ với người lao động tại các đơn vị mà Công ty nhận sáp nhập.

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty năm 2014 thay đổi không nhiều so với năm 2013, riêng EPS tăng 7,4%.

Chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ:

STT	KHOẢN MỤC	ĐƠN VỊ	NĂM 2013	NĂM 2014
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1.	Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	3,23	8,25
	Hệ số thanh toán nhanh	lần	3,02	7,78
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
2.	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,26	0,12
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,35	0,14
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
3.	Vòng quay hàng tồn kho	vòng	8,71	10,17
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	0,29	0,35
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
4.	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	47,91%	46,96%

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

STT	KHOẢN MỤC	ĐƠN VỊ	NĂM 2013	NĂM 2014
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	20,12%	20,21%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	14,02%	16,37%
	Hệ số Lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	50,20%	49,44%
	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng	4.135	4.468

Nguồn: SJD

11. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

11.1. Danh sách Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Sơn: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên : NGUYỄN VĂN SƠN

Giới tính : Nam

Số CMND : 113287781 Ngày cấp : 30/8/2004 Nơi cấp : CA Hòa Bình

Ngày sinh : 11/6/1969 Nơi sinh : Thác Bà - Yên Bái

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Nhà BT1, Khu đô thị Bắc Hà, Quận Hà Đông, Hà Nội.

Quê quán : Xã Thái Hòa, huyện Cẩm Bình, tỉnh Hải Dương.

Số điện thoại : 04.33544735

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư hệ thống điện, Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác :

- Từ năm 1986 Công ty Xây dựng Thủy công

- Từ 1988 -1991 : Công ty Xây dựng Công trình Ngầm

- Từ 1991- 1995 : Học tại trường đại học Bách khoa Hà nội

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

- Từ 1995- nay : Công ty Xây lắp Năng lượng, nay là Công ty cổ phần Sông Đà 11.

Quá trình chi tiết

- Từ 1995-1997 : Đội trưởng đội điện hầm Công ty xây lắp năng lượng thi công Công trình YaLy
- Từ 1997-1999 : Đội trưởng đội Xây lắp Xí nghiệp 11.1 Công ty Sông Đà 11.
- Từ 1999-2002 : Phó Giám đốc Chi nhánh Miền Nam Công ty Sông Đà 11.
- Từ 2002-2006 : Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 11-2 Công ty Sông Đà 11.
- Từ 2006-2008 : Phó Tổng Giám đốc Công ty Sông Đà 11 kiêm Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 11 - 5
- Từ 2008-2010 : Tổng Giám đốc Công Cổ phần Sông Đà 11- Thăng Long
- Từ 2010-06/2013 : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11
- Từ 06/2013 – 06/2014 : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn
- Từ 06/2014 - nay : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sông Đà 11, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (SJE), Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến

Số lượng cổ phiếu SJD đang nắm giữ tại thời điểm 11/02/2015 : 8.516.000 cổ phần, chiếm 18,48% vốn điều lệ

Trong đó: Sở hữu cá nhân : 16.000 cổ phần

Đại diện sở hữu phần vốn của Tổng Công ty Sông Đà : 8.500.000 cổ phần

Số lượng cổ phiếu SJD do người có liên quan nắm giữ : Không có

Các khoản nợ với Công ty : Không có

Lợi ích có liên quan với Công ty : Không có

Ông Mai Ngọc Hoàn: Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên : **MAI NGỌC HOÀN**

Giới tính : Nam

Số CMND : 285174181 Ngày cấp : 16/4/2004 Nơi cấp : CA Bình Phước

Ngày sinh : 15/10/1973 Nơi sinh : Thái Bình

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Long Hưng, Bù Gia Mập, Bình Phước.

Quê quán : Đông Kinh, Đông Hưng, Thái Bình

Số điện thoại : 0651. 3 563 359

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ điện và Trung cấp cơ khí.

Quá trình công tác :

- Từ 05/1995-04/2001 : Công tác tại Ban cơ điện Xí nghiệp ắc quy Cửu Long - Công ty Pin ắc quy Miền Nam. Vừa làm vừa học tại Trường Đại học Mở bán công thành phố Hồ Chí Minh chuyên ngành cơ điện(1995 - 1999).
- Từ 05/2001-08/2001 : Làm cán bộ kỹ thuật tại Ban vật tư kỹ thuật Sông Đà 11 - 1 Thanh Hoà, Bù Đốp, Bình Phước.
- Từ 08/2001-10/2002 : Học lớp Trưởng ca vận hành Nhà máy tại thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh.
- Từ 10/2002-07/2003 : Học theo lớp Trưởng ca vận hành Nhà máy tại Nhà máy thủy điện Thác Mơ, Phước Long, Bình Phước
- Từ 7/2003-9/2003 : Giám sát lắp đặt thiết bị Nhà máy thủy điện Cần Đơn, Thanh Hoà, Bù Đốp, Bình Phước.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

- Từ 9/2003-11/2004 : Trưởng ca vận hành Nhà máy - Phó quản đốc Phân xưởng Vận hành Công ty Cổ phần thủy điện Cần Đơn, Thanh Hoà, Bù Đốp, Bình Phước.
- Từ 11/2004-12/2005 : Quản đốc phân xưởng Vận hành Công ty cổ phần Thủy điện Cần Đơn, Thanh Hoà, Bù Đốp, Bình Phước.
- Từ 01/2006-09/2007 : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn, Thanh Bình, Bù Đốp, Bình Phước.
- 09/2007-06/2010 : Phó Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn, Thanh Bình, Bù Đốp, Bình Phước
- Từ 06/2010 đến 02/2014 : Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn, Thanh Bình, Bù Đốp, Bình Phước.
- Từ 02/2014 - 05/2014 : Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn, Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần thủy điện Sông Đà Tây Nguyên.
- Từ 05/2014 - nay : Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần thủy điện Sông Đà Tây Nguyên.

- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : Tổng Giám đốc, Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần thủy điện Sông Đà Tây Nguyên
- Số lượng cổ phiếu SJD đang nắm giữ tại thời điểm 11/02/2015 : 5.700.138 cổ phần, chiếm 12,39% vốn điều lệ
- Trong đó: Sở hữu cá nhân : 138 cổ phần
- Đại diện sở hữu phần vốn của TCT Sông Đà : 5.700.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu SJD do người có liên quan nắm giữ : Không có
- Các khoản nợ với Công ty : Không có
- Lợi ích có liên quan với Công ty : Không có

Ông Nguyễn Văn Minh: Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên : **NGUYỄN VĂN MINH**

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Giới tính : Nam

Số CMND : 285341666 Ngày cấp : 31/12/2007 Nơi cấp : CA Bình Phước

Ngày sinh : 26/10/1971 Nơi sinh : Sài Gòn

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Phường Tân Thiện, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Quê quán : Thừa Thiên Huế

Số điện thoại : 0651.3563161; 0918680519

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác :

- 1990-12/1991 : Học Công nhân kỹ thuật tại trường Công nhân Cơ khí Cao Su Đồng Phú - Sông Bé
- 2/1992-9/1994 : Đi bộ đội
- 9/1994-6/1999 : Học tại Khoa Cơ khí Công Nghệ, trường Đại học Nông Lâm TP. HCM
- 10/1999-10/2001 : Làm việc tại công ty TNHH Thương Mại Kỹ Thuật An Khang P13, Q.Tân Bình, TP. HCM.
- 2001-04/2003 : Nhân viên phòng Vật tư - Thiết bị Công ty BOT thủy điện Cần Đơn, Thanh Hòa, Lộc Ninh, Bình Phước.
- 4/2003-11/2003 : Phó trưởng phòng Vật tư - Thiết bị Công ty BOT thủy điện Cần Đơn, Thanh Hòa, Bù Đốp, Bình Phước.
- 11/2003-4/2004 : Phó trưởng phòng Kỹ thuật - Công nghệ Công ty BOT thủy điện Cần Đơn, Thanh Hòa, Bù Đốp, Bình Phước.
- 4/2004-10/2004 : Trưởng phòng Kỹ thuật - Công nghệ Công ty BOT thủy điện Cần Đơn, Thanh Hòa, Bù Đốp, Bình Phước.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

- 11/2004 đến 06/2013 : Trưởng phòng Kỹ thuật - Công nghệ Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn, Thanh Bình, Bù Đốp, Bình Phước.
- 06/2013 đến nay : Trưởng phòng Kỹ thuật - Công nghệ, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn, Thanh Bình, Bù Đốp, Bình Phước

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phiếu SJD đang nắm giữ tại thời điểm 11/02/2015 : 60.085 cổ phần, chiếm 0,13% vốn điều lệ

Trong đó: Sở hữu cá nhân : 60.085 cổ phần

Đại diện sở hữu phần vốn của Tổng Công ty Sông Đà : 0 cổ phần

Số lượng cổ phiếu SJD do người có liên quan nắm giữ : Không

Các khoản nợ với Công ty : Không có

Lợi ích có liên quan với Công ty : Không có

Ông ĐỒNG VĂN TÂM: Thành viên Hội đồng quản trị - Kế toán trưởng

Họ và tên : **ĐỒNG VĂN TÂM**

Giới tính : **Nam**

Số CMND : 141978451 Ngày cấp : 27/10/2009 Nơi cấp : CA Hải Dương

Ngày sinh : 07/8/1976 Nơi sinh : Hải Dương

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Quê quán : Ái Quốc, Nam Sách, Hải Dương

Số điện thoại : 06513.563375;

Trình độ văn hóa : 12/12

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính kế toán môn
- Quá trình công tác :
- 03/2000-10/2002 : Kế toán viên Công ty BOT Thủy điện Cần Đơn
 - 10/2002-12/2002 : Phó kế toán trưởng Công ty BOT Thủy điện Cần Đơn
 - 12/2002-05/2006 : Phó kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long, Kế toán trưởng chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh
 - 6/2006-4/2008 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn
 - 5/2008-4/2009 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Sông Đà tại thành phố Hồ Chí Minh.
 - 5/2009 đến 04/2013 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn tại Bù Đốp, Bình Phước
 - 04/2013 - 02/2014 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn tại Bù Đốp, Bình Phước, Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sông Đà
 - 02/2014 - 06/2014 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn tại Bù Đốp, Bình Phước, Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sông Đà, TVHĐQT CTCP thủy điện Sông Đà Tây Nguyên
 - 07/2014 - nay : TV HĐQT, Kế toán trưởng CTCP Thủy điện Cần, Trưởng BKS CTCP Đầu tư và Phát triển Sông Đà, TVHĐQT CTCP thủy điện Sông Đà Tây Nguyên
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sông Đà, Thành viên HĐQT CTCP Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên
- Số lượng cổ phiếu SJD đang nắm giữ tại thời điểm 11/02/2015 : 4.618.600 cổ phần, chiếm 10,04% vốn điều lệ

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Trong đó: Sở hữu cá nhân : 18.600 cổ phần
Đại diện phần vốn của Tổng công ty Sông Đà: 4.600.00 cổ phần
Số lượng cổ phiếu SJD do người có liên quan nắm giữ : Không
Các khoản nợ với Công ty : Không có
Lợi ích có liên quan với Công ty : Không có

Bà Ông Thị Thanh Thảo: Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên : **ÔNG THỊ THANH THẢO**
Giới tính : Nữ
Số CMND : 201390051 Ngày cấp : 06/4/2012 Nơi cấp : CA Đà Nẵng
Ngày sinh : 29/10/1980 Nơi sinh : Đà Nẵng
Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : H29/10 K30 Trần Phú, Đà Nẵng
Quê quán : Đà Nẵng
Số điện thoại : 0919422630
Trình độ văn hóa : 12/12.
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ kinh tế
Quá trình công tác :
– 2007-2008 : Chuyên viên đầu tư cao cấp - Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Bản Việt.
– 2008-2011 : Trưởng phòng phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt.
– 2011 đến 06/2013 : Trưởng phòng đầu tư - Công ty TNHH VinaCapital Corporate Finance Việt Nam
– 06/2013 đến 06/2014 : Trưởng phòng đầu tư - Công ty TNHH VinaCapital Corporate Finance Việt Nam, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn

- 07/2014 đến nay : Trưởng phòng đầu tư cấp cao - Công ty TNHH VinaCapital Corporate Finance Việt Nam, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
- Số lượng cổ phiếu SJD đang nắm giữ tại thời điểm 11/02/2015 : 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phiếu SJD do người có liên quan nắm giữ : Không
- Các khoản nợ với Công ty : Không có
- Lợi ích có liên quan với Công ty : Không có

11.2. Danh sách Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai: Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên : **NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI**
- Giới tính : Nữ
- Số CMND : 012036381 Ngày cấp : 10/5/2012 Nơi cấp : CA Hà Nội
- Ngày sinh : 13/10/1977 Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 2101T2A Chung cư TSQ, Làng Việt kiều Châu Âu, Mộ Lao, Hà Nội
- Quê quán : Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Hà Nội.
- Số điện thoại : 04.35523.398.; ĐD 0983.305389.
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :
- 1999-2001 Công tác tại Xí nghiệp kinh doanh nhà Công ty Sông Đà 1

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

- 2001 đến 06/2013 : Công tác tại Ban Tài chính kế toán Tổng Công ty Sông Đà
- 06/2013 đến nay : Công tác tại Ban Tài chính kế toán Tổng Công ty Sông Đà, Trưởng Ban Kiểm soát Công ty
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : Trưởng Ban Kiểm soát Công ty
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
- Số lượng cổ phiếu SJD đang nắm giữ tại thời điểm 11/02/2015 : 2.090.704 cổ phần, chiếm 4,55% vốn điều lệ
- Trong đó: Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
- Đại diện sở hữu phần vốn của Tổng công ty Sông Đà : 2.090.704 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu SJD do người có liên quan nắm giữ : Không
- Các khoản nợ với Công ty : Không có
- Lợi ích có liên quan với Công ty : Không có

Ông Bùi Xuân Ninh: Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên : **Bùi Xuân Ninh**
- Giới tính : Nam
- Số CMND : 230554449 Ngày cấp : 12/4/2010 Nơi cấp : CA Gia Lai
- Ngày sinh : 27/8/1978 Nơi sinh : TP. Hải Phòng
- Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn - TT Thanh Bình - Bù Đốp - Bình Phước
- Quê quán : Quận Ngô Quyền - TP. Hải Phòng
- Số điện thoại : 0919100510
- Trình độ văn hóa : 12/12

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế thủy sản

Quá trình công tác :

– 10/2002-06/2007 : Nhân viên Phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty CP thủy điện Cần Đơn

– 06/2007-05/2008 : Phó phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty CP thủy điện Cần Đơn

– 05/2008 đến 04/2009 : Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty CP thủy điện Cần Đơn

– 04/2009 đến 02/2014 : Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch, Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn

– 02/2014 đến nay : Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch, Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn, Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : Thành viên Ban Kiểm Soát

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên

Số lượng cổ phiếu SJD đang nắm giữ tại thời điểm 11/02/2015 : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu SJD do người có liên quan nắm giữ : Không

Các khoản nợ với Công ty : Không có

Lợi ích có liên quan với Công ty : Không có

Ông NGUYỄN TRUNG HÒA: Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên : **NGUYỄN TRUNG HÒA**

Giới tính : Nam

Số CMND : 351525015 Ngày cấp : 02/6/2004 Nơi cấp : CA An Giang

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Ngày sinh : 14/12/1984 Nơi sinh : An Giang

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 280/29 Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Quê quán : Hà Nội

Số điện thoại : 06513.563375

Trình độ văn hóa : 12/12.

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Tài chính.

Quá trình công tác :

- 2011 - 2012 Trưởng nhóm tư vấn đầu tư Công ty Cổ phần Trí Tín Quốc Tế
- 2012 - 2014 Chuyên viên phân tích Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng Việt Nam
- 01/2014 - 06/2014 Chuyên viên đầu tư cao cấp Công ty VinaCapital Corporate Finance Ltd
- 07/2014 - nay Chuyên viên đầu tư cao cấp Công ty VinaCapital Corporate Finance Ltd, Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : Thành viên Ban Kiểm soát Công ty

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phiếu SJD đang nắm giữ tại thời điểm 11/02/2015 : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu SJD do người có liên quan nắm giữ : Không

Các khoản nợ với Công ty : Không có

Lợi ích có liên quan với Công ty : Không có

11.3. Danh sách Ban Tổng Giám đốc

Ông Mai Ngọc Hoàn: Tổng Giám đốc (*Lý lịch nêu ở phần trên*)

Ông Trần Văn Sáu: Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : **TRẦN VĂN SÁU**

Giới tính : Nam

Số CMND : 285308555 Ngày cấp : 12/6/2007 Nơi cấp : CA Bình Phước

Ngày sinh : 08/10/1960 Nơi sinh : Thái Bình

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

Quê quán : Tân Thuật, Kiến Xương, Thái Bình

Số điện thoại : 06513563387; 0913409240

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác :

- 1982-1993 : Cán bộ kỹ thuật thi công tại Công ty bê tông nghiên sàng (*Công ty Sông Đà 7*)
- 1993-2000 : Phó giám đốc xí nghiệp 403- Công ty Sông Đà 4
- 2000-2002 : Phó giám đốc nhà máy thủy điện Ry Ninh II- Công ty Sông Đà 11
- 2002- 9/2009 : Quản đốc phân xưởng Sửa chữa Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn
- 10/2009 đến nay : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn.

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : Phó Tổng Giám đốc Công ty

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phiếu SJD đang nắm giữ tại thời điểm 11/02/2015 : 3.946 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Trong đó: Sở hữu cá nhân	:	3.946 cổ phần
Số lượng cổ phiếu SJD do người có liên quan nắm giữ	:	Không
Các khoản nợ với Công ty	:	Không có
Lợi ích có liên quan với Công ty	:	Không có

11.4. Ông Đồng Văn Tâm: Kế toán trưởng - xem mục 11.1

12. Tài sản

Tình hình TSCĐ của SJD tại ngày 31/12/2013

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	NGUYÊN GIÁ	KHẤU HAO LŨY KẾ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
TSCĐ Hữu hình	1.537.807.586.840	734.609.090.027	803.198.496.813
Nhà cửa vật kiến trúc	812.450.582.667	385.647.943.341	426.802.639.326
Máy móc thiết bị	588.244.448.745	282.901.461.182	305.342.987.563
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	136.387.808.793	65.497.902.415	70.889.906.378
Thiết bị quản lý	724.746.635	561.783.089	162.963.546
TSCĐ Vô hình	3.400.000.000	-	3.400.000.000
Quyền sử dụng đất	3.400.000.000	-	3.400.000.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	52.862.058.747	0	52.862.058.747
Tổng	1.595.376.918.314	764.202.934.426	831.173.983.888

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013 của SJD

Tình hình TSCĐ của SJD tại ngày 31/12/2014

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	NGUYÊN GIÁ	KHẤU HAO LŨY KẾ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
TSCĐ Hữu hình	1.687.875.960.357	913.131.369.375	774.744.590.982
Nhà cửa vật kiến trúc	914.398.154.934	476.499.968.441	437.898.186.493
Máy móc thiết bị	633.226.275.436	361.308.441.479	271.917.833.957
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	139.226.501.650	74.448.475.289	64.778.026.361

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

KHOẢN MỤC	NGUYÊN GIÁ	KHẤU HAO LŨY KẾ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
Thiết bị quản lý	1.025.028.337	874.484.166	150.544.171
TSCĐ Vô hình	3.400.000.000	0	3.400.000.000
Quyền sử dụng đất	3.400.000.000	0	3.400.000.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	187.096.678.601	0	187.096.678.601
Tổng	1.878.372.638.958	913.131.369.375	965.241.269.583

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2014 của SJD

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

13.1. Kế hoạch Lợi nhuận và cổ tức năm 2015

Kế hoạch Lợi nhuận và cổ tức Công ty mẹ năm 2015

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Thực hiện năm 2014	Năm 2015	
			Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2014
Doanh thu thuần	đồng	390.172.254.774	382.000.000.000	-2,09%
Lợi nhuận sau thuế	đồng	183.223.201.141	164.350.000.000	-10,30%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	46,96	43,02	-3,94
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	18,36	14	-4,36%
Cổ tức (kế hoạch)	%	20	20	0%

Kế hoạch Lợi nhuận và cổ tức Hợp nhất năm 2015

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Thực hiện năm 2014	Năm 2015	
			Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2014
Doanh thu thuần	đồng	390.854.711.126	411.000.000.000	5,15%
Lợi nhuận sau thuế	đồng	183.223.201.141	165.350.000.000	-9,75%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	46,88	40,23	-6,65
Tỷ lệ Lợi nhuận sau	%	18,41	13	-5,41%

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Thực hiện năm 2014	Năm 2015	
thuế/Vốn chủ sở hữu				
Cổ tức (kế hoạch)	%	20	20	0%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2014 của SJD và Nghị quyết thông qua kế hoạch SXKD năm 2015 của SJD của Tổng Công ty Sông Đà số 37/TCT-HĐTV ngày 04/02/2015

Kế hoạch kinh doanh hợp nhất của SJD gồm Công ty mẹ SJD (3 nhà máy thủy điện Cần Đơn, Ry Ninh II, Nà Lơi) và Công ty cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên đang thi công dự án nhà máy thủy điện Hà Tây tại Gia Lai. Công ty cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên mới chỉ ghi nhận doanh thu chứ chưa ghi nhận lợi nhuận nên kế hoạch lợi nhuận hợp nhất gần như không thay đổi so với kế hoạch lợi nhuận Công ty mẹ.

Việc lập kế hoạch sản xuất điện thương phẩm Nhà máy thủy điện Cần Đơn năm 2015 dựa trên các yếu tố sau: Công suất thiết kế trung bình nhiều năm; Sản lượng điện trung bình nhiều năm đã vận hành; Kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa (máy H1 Đại tu, máy H2 Trung tu), số giờ khả dụng của Nhà máy năm 2015; Tình hình dự báo khí tượng thủy văn lưu vực hồ chứa năm 2015; Khả năng tích nước cho phép của hồ chứa Thác Mơ phía trên theo các quy định của Nhà nước, cụ thể là “Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Đồng Nai” có hiệu lực từ năm 2015; Kế hoạch sản xuất Nhà máy thủy điện Thác Mơ ở phía trên thượng nguồn.

Dựa trên những căn cứ đã nêu đồng thời tính toán tới diễn biến của điều kiện thời tiết, Công ty đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 với các chỉ tiêu thấp hơn so với năm 2014 nhưng vẫn dự kiến giữ nguyên tỷ lệ cổ tức.

Về doanh thu, lý do chủ yếu kế hoạch doanh thu thấp hơn 2014 vì mặc dù sản lượng năm 2014 của nhà máy thủy điện Cần Đơn gần đạt mức cao nhất trong lịch sử hoạt động của nhà máy là 416 triệu kWh, tuy nhiên trung bình sản lượng qua 11 năm vận hành chỉ là khoảng 310 triệu kWh nên khả năng năm 2015 sản lượng vượt sản lượng năm 2014 là không cao. Lợi nhuận kế hoạch 2015 cũng giảm tương ứng với việc giảm doanh thu kế hoạch; tuy nhiên năm 2015 Công ty có kế hoạch bảo dưỡng, đại tu và có khả năng thay một số bộ phận quan trọng trong các hệ thống máy phát điện chính, đồng thời Công ty tính toán tới khả năng Nhà nước tăng các khoản phí đối với hoạt động sản xuất kinh doanh thủy điện nên tỷ lệ giảm của lợi nhuận kế hoạch 2015 so với lợi nhuận 2014 nhiều hơn so với tỷ lệ giảm của doanh thu kế hoạch 2015 so với doanh thu 2014.

13.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Sau sáp nhập (tháng 12/2014), NLC trở thành chi nhánh hạch toán phụ thuộc của SJD, tuy nhiên 3 nhà máy (Cần Đơn, Ry Ninh II, Nà Lơi) vẫn hoạt động tương đối độc lập với nhau. Về cơ bản, 3 nhà máy vẫn đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, đạt sản lượng điện như kế hoạch đề ra. Những căn cứ cụ thể để đạt kế hoạch lợi nhuận, cổ tức năm 2014 như sau:

- Sau sáp nhập, đội ngũ CBCNV của NLC được đảm bảo giữ nguyên vị trí làm việc như trước khi sáp nhập trong vòng 1 năm (theo quy định tại Hợp đồng sáp nhập ký giữa SJD và NLC). Do đó, nhìn chung hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2015 của nhà máy NLC không bị xáo trộn.

- Đội ngũ lãnh đạo của SJD có kinh nghiệm quản lý vận hành tốt và khả năng sẵn sàng chạy máy cao khi có huy động nên được EVN quan tâm tạo mọi điều kiện để khai thác và phát huy hết khả năng công suất;
- Cơ sở vật chất, máy móc, thiết bị công nghệ tiên tiến, thường xuyên duy tu, bảo dưỡng. Vì vậy, cả 2 nhà máy vận hành đảm bảo có hiệu quả và độ an toàn cao.
- Đội ngũ cán bộ công nhân viên được đào tạo cơ bản, nắm vững kỹ thuật chuyên môn. Qua đó đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong nghiệp vụ quản lý và điều hành.
- Sau sáp nhập, SJD có thể tận dụng được lợi thế kinh tế về quy mô (*tức chi phí để tạo ra một đơn vị sản phẩm/dịch vụ sẽ thấp hơn khi quy mô hoạt động gia tăng*), nhờ đó tăng hiệu quả hoạt động.
- Với mô hình tổ chức mới sau sáp nhập, bộ máy nhân sự thu gọn hơn, việc luân chuyển, phân bổ các nguồn lực giữa các đơn vị thuận lợi, linh hoạt và nhanh chóng hơn cũng sẽ góp phần tiết kiệm đáng kể các chi phí gián tiếp.

14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long xin đưa ra đánh giá về Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2015 của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn dựa trên cơ sở thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn. Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2014 của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Chúng tôi lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có tính chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Các nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết: không có

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết: không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

- Loại chứng khoán:** Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phiếu niêm yết bổ sung:** 5.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng:** không có
- Phương pháp tính giá**

Tại ngày giao dịch đầu tiên của lượng cổ phiếu niêm yết bổ sung, giá cổ phiếu SJD của Công ty không bị điều

chính giá kỹ thuật. Theo đó, giá tham chiếu cổ phiếu SJD tại ngày này tuân theo các quy định thông thường về giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài

Theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của Nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam: “Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài (bao gồm cả cổ đông nước ngoài hiện hữu) không vượt quá 49% vốn điều lệ của một công ty đại chúng”.

7. Các loại thuế có liên quan

Đối với hoạt động đầu tư chứng khoán

Thuế thu nhập cá nhân

Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH-12 được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007(có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2009), Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13 ban hành ngày 22/11/2012 (có hiệu lực từ 01/07/2013) và các văn bản hướng dẫn thi hành luật Thuế Thu nhập cá nhân có quy định:

- *Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập cổ tức:*

Theo qui định trong Thông tư số 111/2013/TT-BTC “*Hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân*”, ban hành ngày 15/08/2013, nhà đầu tư sẽ phải đóng thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thu nhập từ cổ tức. Khoản thu nhập này được xác định là thu nhập từ đầu tư vốn.

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = cổ tức nhận được x thuế suất 5%.

- *Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:*

Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán bao gồm thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định của Luật Chứng khoán; thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần của các cá nhân trong công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp.thuộc diện thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân.

Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20%. Cách tính thuế thu nhập cá nhân phải nộp như sau:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất 20%

Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Cách tính thuế phải nộp như sau:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Giá chuyển nhượng x Thuế suất 0,1%

Mọi trường hợp chuyển nhượng chứng khoán không phân biệt nộp thuế theo thuế suất 0,1% hay 20% đều phải khấu trừ thuế trước khi thanh toán cho người chuyển nhượng. Căn cứ để xác định số thuế khấu trừ là giá chuyển nhượng chưa trừ các khoản chi phí nhân với thuế suất 0,1%. (Khi quyết toán thuế, cá nhân áp dụng thuế suất 20% được trừ số thuế đã tạm nộp theo thuế suất 0,1% trong năm tính thuế)

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp

Hiện tại, Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn được hưởng chính sách ưu đãi Thuế Thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Theo Giấy phép đầu tư số 04/GP-ĐTTN ngày 15/09/1999 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số 04/GPĐC-ĐTTN ngày 28/05/2001, SJD được ưu đãi theo mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 04 (bốn) năm kể từ ngày có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho 09 (chín) năm tiếp theo đối với thu nhập phát sinh từ sản xuất và kinh doanh điện;
- Theo Công văn số 11924 TC/CST ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính về ưu đãi thuế TNDN đối với tổ chức niêm yết chứng khoán, các tổ chức được niêm yết lần đầu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán được giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong vòng 02 năm kể từ khi thực hiện niêm yết.
- Theo Công văn số 39/CT-TTHT ngày 10/01/2008 của Cục thuế tỉnh Bình Phước, Công ty sẽ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho 02 năm (2008 và 2009) và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho 07 năm tiếp theo.
- Theo Công văn số 11996/BTC-CST ngày 05/09/2012 của Bộ Tài chính về việc chuyển đổi thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp BOT, Công ty được ưu đãi theo mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm kể từ năm 2010.

Theo đó, thời gian và tỷ lệ thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp doanh nghiệp được hưởng cụ thể như sau:

Thời gian	2004 - 2009	2010 - 2016	2017 - 2018	2019 - 2029
Thuế suất	Miễn thuế	5%	10%	20%

Các loại thuế khác

Các loại thuế và mức thuế suất khác tuân thủ theo các quy định của Pháp luật hiện hành.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS



Trụ sở chính: 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3772 6868 Fax: (84-4) 3772 6131

Chi nhánh Hồ Chí Minh: Lầu 2, tòa nhà Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, HCM

Điện thoại: (84-8) 3823 3923 Fax: (84.8). 3827 7380

Website: www.kls.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CTCP THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC



Trụ sở chính: Lô 78 - 80 đường 30 tháng 4, Hải Châu, Đà Nẵng

Điện thoại: 84.5113655886 Fax: 84. 5113655887

Website: www.aac.com.vn

VII. PHỤ LỤC

Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Phụ lục II: Điều lệ công ty

Phụ lục III: Báo cáo kiểm toán năm 2013 và 2014 (*Công ty mẹ và hợp nhất*)

Các phụ lục khác (*nếu có*)

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Bình Phước, ngày 20 tháng 04 năm 2015
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ


NGUYỄN VĂN SƠN

TỔNG GIÁM ĐỐC



MAI NGỌC HOÀN

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



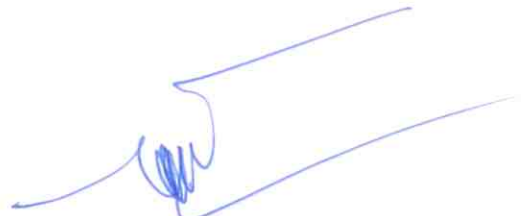
TRẦN VĂN SÁU

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐỒNG VĂN TÂM

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2015

TỔ CHỨC TƯ VẤN *TK*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



BÙI QUANG BÁCH